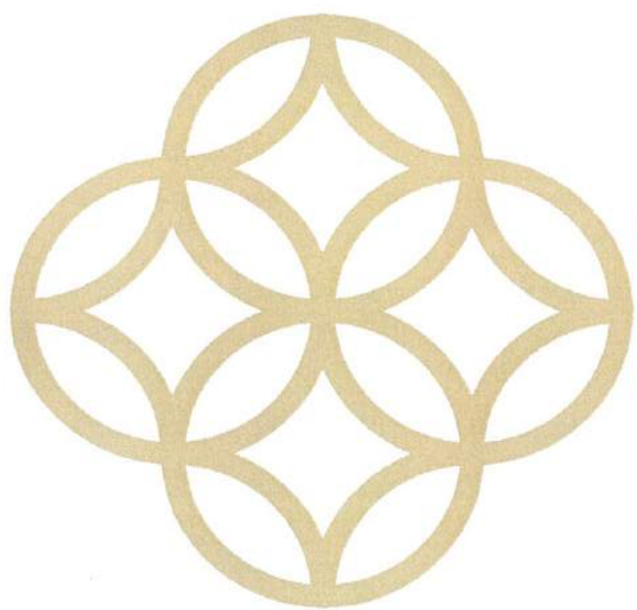




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

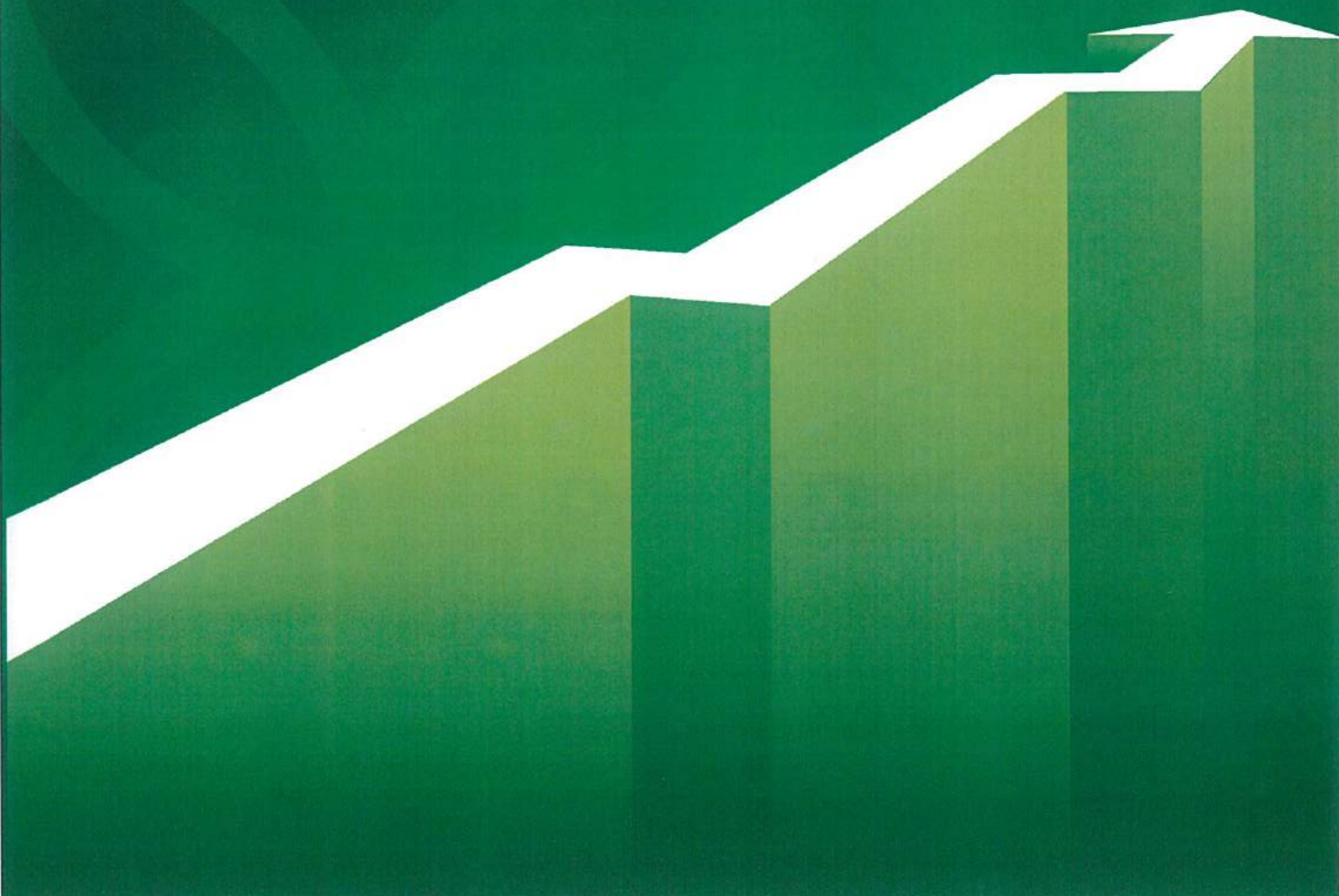






Phu Hung

SECURITIES



MỤC LỤC



08

I. THÔNG TIN CHUNG

- 08 Thông tin khái quát.
- 16 Ngành nghề và địa điểm kinh doanh.
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
- 24 Định hướng phát triển.
- 25 Các rủi ro.



26

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 30 Tổ chức và nhân sự.
- 32 Tình hình đầu tư, Tình hình thực hiện các dự án.
- 32 Tình hình tài chính.
- 34 Cơ cấu cổ đông, Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- 35 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 36 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 37 Tình hình tài chính.
- 40 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
- 40 Kế hoạch phát triển trong tương lai.
- 44 Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.
- 45 Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của 6. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.



47

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 47** Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty.
- 50** Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty.
- 51** Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị.



53

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 53** Hội đồng quản trị.
- 56** Ban kiểm soát.
- 57** Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.

59

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 59** Ý kiến kiểm toán
- 60** Báo cáo tài chính được kiểm toán





THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi quý Cổ đông, quý Khách hàng và quý Đồng nghiệp,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) rất vui mừng được chia sẻ các hoạt động quản lý của Công ty trong năm 2019 với Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và các bên liên quan thông qua báo cáo này.

Ngay cả khi nền kinh tế thế giới đang bị đè nặng bởi xung đột thương mại, nhờ được dẫn dắt bởi đà tăng trưởng mạnh mẽ của lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, GDP của Việt Nam trong năm 2019 vẫn tăng trưởng 7,02%, chỉ thấp hơn mức 7,08% của năm 2018 trong suốt một thập kỷ qua và vượt xa mục tiêu của Chính phủ ở mức 6,6 – 6,8%. Điểm tích cực là tăng trưởng cao không đi kèm với gia tăng lạm phát và mở rộng tín dụng. Chỉ số CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng ở mức 2,79%, thấp hơn mục tiêu 4% của Chính phủ trong khi tăng trưởng tín dụng ghi nhận mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây tại 12,1%. Tỷ giá được giữ ổn định nhờ thặng dư thương mại và giải ngân vốn FDI đều đạt mức cao kỷ lục, lần lượt là 11,1 tỷ USD và 20,4 tỷ USD. Thị trường chứng khoán hồi phục nhẹ 7,7%, khép lại năm 2019 tại 960,99 điểm. Tuy nhiên, thị trường khá yên ắng trong năm 2019 do tâm lý giao dịch thận trọng. Giá trị giao dịch bình quân tháng chỉ ở mức 3.949 tỷ đồng (-27%YoY) và thiếu vắng các thương vụ IPO, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước. Sự bùng nổ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong bối cảnh thắt chặt tín dụng cũng được cho là nguyên nhân ảnh hưởng đến thị trường cổ phiếu trong năm 2019. Trong khi đó, các cải cách trong nước tiếp tục được thực hiện để hỗ trợ thị trường như việc thông qua Luật chứng khoán vào tháng 11 năm 2019 hướng đến mục tiêu nâng hạng thị trường bởi FTSE và MSCI, cho ra mắt các sản phẩm mới như Chứng quyền vào tháng 6 năm 2019 và một loạt các chỉ số mới trong tháng 11 năm 2019 bao gồm VN Diamond, VNFIN Lead và VNFIN Select để giải quyết vấn đề mua cổ phiếu hết “room” cho nhà đầu tư nước ngoài.

Dưới môi trường kinh doanh và thị trường đầy thách thức, PHS đã đạt được những kết quả tốt nhất kể từ khi thành lập. Tôi trân trọng thông tin đến Quý cổ đông rằng PHS đã thành công trong việc quản lý kinh doanh với doanh thu tăng 14,9% và lợi nhuận tăng 26,9%. Năm 2019, chúng tôi đăng ký giao dịch UPCoM với mã PHS và là năm đầu tiên kể từ khi thành lập PHS trả cổ tức bằng tiền mặt 3,3% mỗi cổ phiếu cho Cổ đông của chúng tôi. Tôi muốn nhân cơ hội này để bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các Cổ đông và các bên liên quan về sự hỗ trợ dành cho PHS trong một năm vừa qua.

Thị trường Chứng khoán gần đây có những thay đổi mạnh mẽ trong môi trường kinh doanh, như đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, các quy định mới được ban hành của Luật. Trong môi trường kinh doanh liên tục đổi mới, PHS luôn chủ động đưa ra các biện pháp kịp thời để đáp ứng với những diễn biến khó lường của thị trường.

Lớn lên cùng với sự phát triển của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, PHS hiểu được vai trò quan trọng và tích cực của doanh nghiệp trong việc thực hiện hóa về phát triển bền vững. Việc lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong chiến lược được Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng. PHS không chỉ tập trung vào các mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận mà còn kết hợp thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.



PHS không thể phát triển bền vững nếu không có được sự ủng hộ từ Khách hàng, vì vậy, PHS luôn nỗ lực trong mọi hoạt động nhằm mang lại sự hài lòng của khách hàng bằng sự chuyên nghiệp, tận tâm trong việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ, cung cấp sản phẩm mới, áp dụng cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt và năng động.

Chiến lược đầu tư trách nhiệm, đồng hành, chia sẻ cùng phát triển với các công ty liên kết và công ty đầu tư cũng được PHS theo đuổi trong nhiều năm qua.

PHS sẽ đa dạng hóa cơ cấu doanh thu, chúng tôi sẽ mở rộng các dòng sản phẩm của mình và tăng vị thế của chúng tôi trên thị trường và luôn cam kết tạo ra một môi trường tài chính đáng tin cậy nơi mọi khách hàng có thể tự tin thực hiện giao dịch.

Ngoài ra, PHS sẽ tiếp tục đổi mới để tạo ra các giá trị chung, sẽ tiếp tục thực hiện các bước phát triển bền vững cho chính mình, cho Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý Đối tác, nhân viên và cộng đồng. Và Công ty sẽ tiếp tục cống hiến để cùng xây dựng xã hội.

Tôi xin cảm ơn các Quý Khách hàng và Quý Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng chúng tôi. Tôi xin cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng vào Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh Đạo Công ty. Cuối cùng, tôi xin cảm ơn Hội đồng quản trị và toàn thể nhân viên đã cống hiến, hỗ trợ và làm việc chuyên nghiệp. Tôi tin rằng cùng nhau hợp tác, chúng ta sẽ tạo ra các vị thế tốt để đáp ứng những thách thức phía trước và xây dựng những thành công trong tương lai.

CHAIRMAN

Albert Kwang-Chin Ting



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2019
- Giá trị cốt lõi
- Quá trình hình thành và phát triển



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
("PHS")**

Tên viết tắt: PHS

Mã chứng khoán: PHS

Trang web: www.phs.vn

Giấy phép thành lập:

Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.

Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 21/08/2019 cập nhật việc bổ sung người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ: 700,000,000,000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu: 770,285,449,272 VNĐ

Trụ sở chính

📍 Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
☎ Điện thoại: (84 28) 5413 5479
📠 Fax: (84 28) 5413 5472
✉ Email: support@phs.vn

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

📍 Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
☎ Điện thoại: (84 28) 5413 5478
📠 Fax: (84 28) 5413 5473

Chi nhánh Quận 3

📍 Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM
☎ Điện thoại: (84 28) 3820 8068
📠 Fax: (84 28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

📍 Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.
☎ Điện thoại: (84 28) 3813 2401
📠 Fax: (84 28) 3813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

📍 Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
☎ Điện thoại: (84 24) 3933 4560
📠 Fax: (84 24) 3933 4820

Hai Phong Branch

📍 Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
☎ Điện thoại: (84 225) 384 1810
📠 Fax: (84 225) 384 1801

Chi Nhánh Thanh Xuân

📍 Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
☎ Điện thoại: (84 24) 6250 9999
📠 Fax: (84 24) 6250 6666

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2019

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2017	2018	2019	Thay đổi 2019/2018
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu	130,033	175,584	201,793	14.9%
Môi giới	41,793	51,453	50,211	-2.4%
Đầu tư	1,181	1,625	1,523	-6.3%
Tư vấn	270	250	935	273.4%
Khác	86,790	122,255	149,125	22.0%
Chi phí	112,707	138,134	143,988	4.2%
Lợi nhuận trước thuế	17,326	37,450	57,805	54.4%
Lợi nhuận sau thuế	17,326	37,450	47,522	26.9%
ROE	0.04	0.06	0.06	-
ROA	0.02	0.03	0.03	-
TÀI SẢN				
Tổng tài sản	1,152,907	1,512,416	1,676,834	10.9%
Vốn điều lệ	320,000	700,000	700,000	0.0%
Vốn chủ sở hữu	508,414	745,864	770,285	3.3%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2.27	2.03	2.18	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1.27	1.03	1.18	
Tỷ lệ an toàn vốn	567%	783%	852%	
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	537	729	679	-6.86%
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	32,246,085	51,395,265	69,999,510	36.20%
Cổ tức / cổ phần (đồng)	-	330	-	
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (NGƯỜI)	177	213	198	-7.04%



DOANH THU

201,8
tỷ đồng

**Môi giới
Chứng khoán**

50.211
Tỷ đồng

Đầu tư

1.523
Tỷ đồng

TÀI SẢN

1,676
tỷ đồng

Vốn điều lệ

700
Tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

770
Tỷ đồng



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN

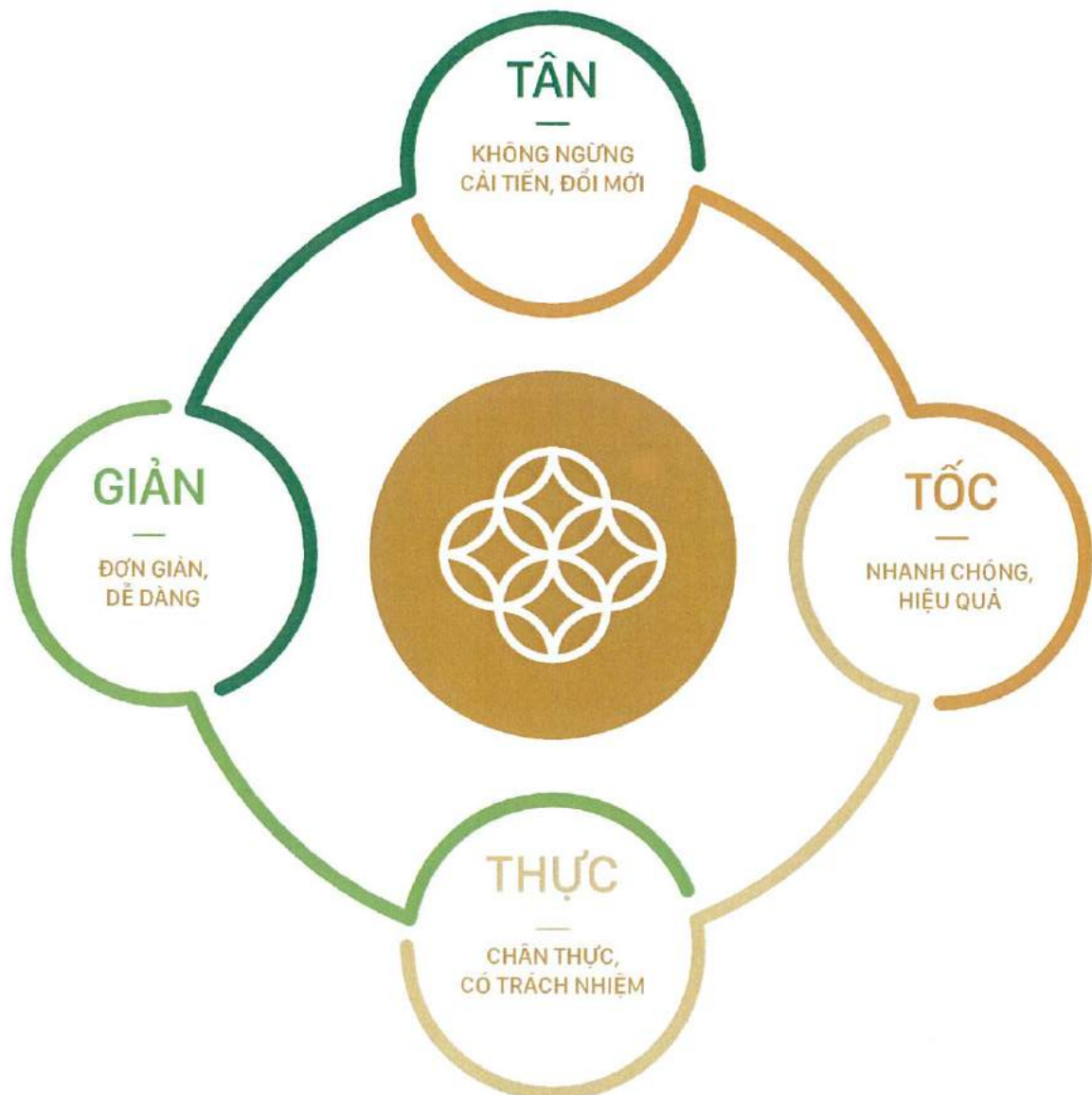
198

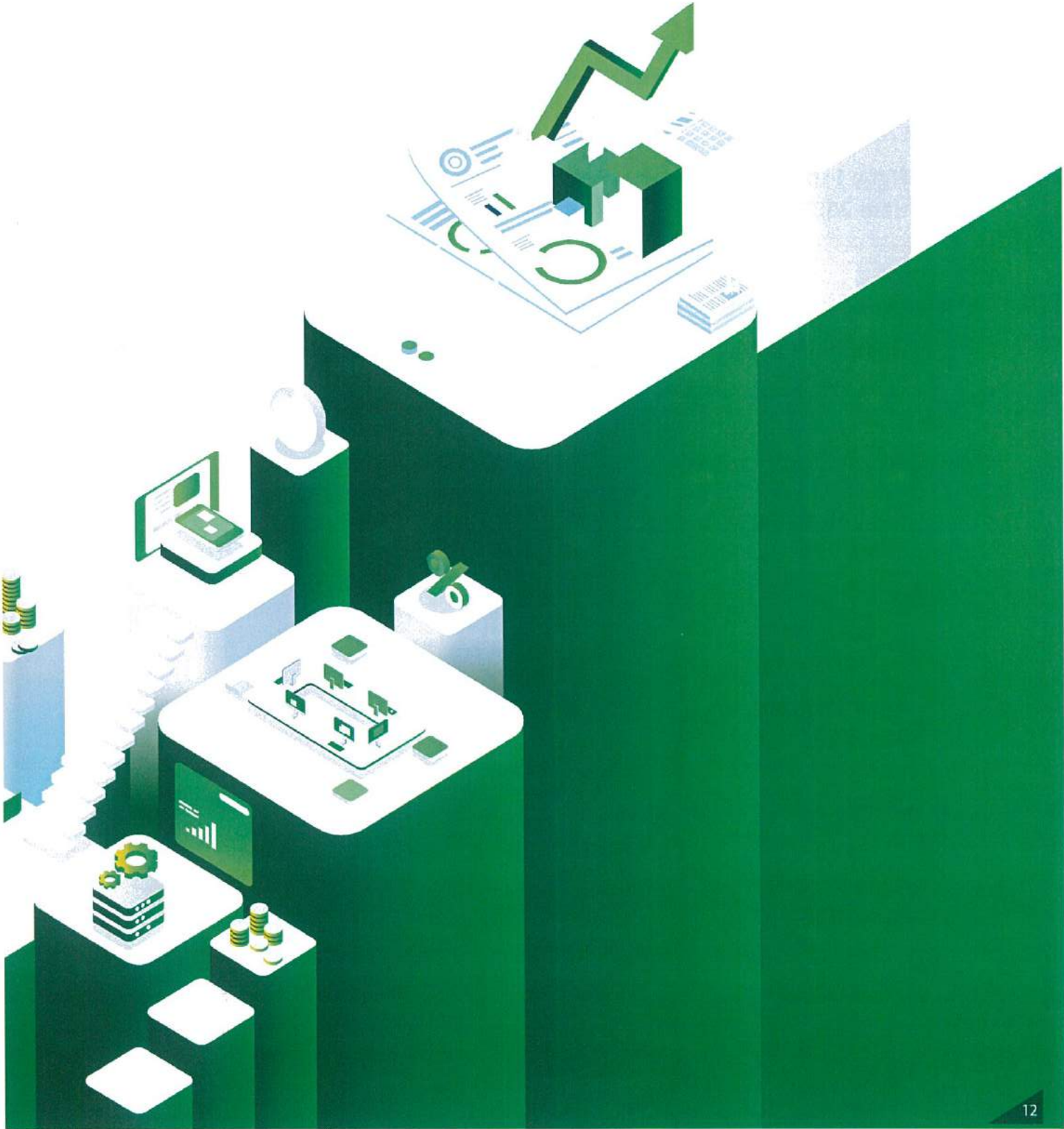
NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

2

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

PHS LUÔN ĐẶT LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG LÊN HÀNG ĐẦU VÀ XEM ĐÓ LÀ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐỂ KHÔNG NGỪNG HOÀN THIỆN. NHỮNG GIÁ TRỊ NÀY ĐƯỢC PHẢN ẢNH THÔNG QUA NHỮNG NGUYÊN TẮC THIẾT YẾU TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA PHS





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 15 tháng 11 năm 2006

Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ ban đầu
22.680.000.000 đồng

Ngày 1 tháng 12 năm 2006

Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

Ngày 14 tháng 12 năm 2006

Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 12 năm 2006

Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006

Công ty nhận giấy phép tăng vốn điều lệ.

Tăng vốn điều lệ
50,000,000,000 đồng.

Ngày 5 tháng 9 năm 2008

Công ty nhận giấy phép tăng vốn điều lệ

Tăng vốn điều lệ
VND 100,000,000,000. bởi CX Technology (Cayman)

Ngày 10 tháng 11 năm 2008

Công ty chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 1 năm 2009

Chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Công ty trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Ngày 19 tháng 11 năm 2015

Công ty nhận được Quyết định chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành.

Ngày 20 tháng 1 năm 2016

Công ty nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK

vốn điều lệ
202,585,070,000 đồng
sau Hợp Nhất

Ngày 20 tháng 1 năm 2016

PHS trở thành thành viên lưu ký của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, thành viên giao dịch Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 29 tháng 6 năm 2016

Công ty chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017

PHS được UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.



**Ngày 15 tháng 5
năm 2017**

UBCKNN cho phép tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại PHS tối đa 100%.

**Ngày 27 tháng 4
năm 2018**

PHS chính thức được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ.

**Ngày 22 tháng 8
năm 2018**

PHS chính thức đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

**Ngày 19 tháng 7
năm 2019**

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UpCom

**Ngày 31 tháng 7
năm 2019**

Cổ phiếu PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCOM





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG PHÁT TRIỂN KHÔNG NGỪNG CÙNG VỚI NHỮNG BƯỚC TIẾN VƯỢT TRỘI CỦA NỀN KINH TẾ TRONG NƯỚC. VỚI TIỀM LỰC VỮNG MẠNH, CHIẾN LƯỢC KINH DOANH RÕ RÀNG, CỘNG VỚI SỰ NỖ LỰC KHÔNG MỆT MỎI CỦA TOÀN THỂ CÁN BỘ NHÂN VIÊN, PHS LUÔN TỰ TIN SONG HÀNH CÙNG SỰ ĐI LÊN CỦA THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS), được thành lập từ năm 2006, là công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu ở Việt Nam. Chúng tôi chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ, công ty bảo hiểm, và ngân hàng đầu tư trong nước và nước ngoài.

Từ năm 2008, với sự tham gia của cổ đông chiến lược là Công ty CX Technology, một công ty chuyên cung cấp các thành phần phần cứng và ép nhựa hàng đầu Đài Loan và được niêm yết trên thị trường chứng khoán Đài Loan, PHS tiếp tục củng cố nền tảng tài chính vững mạnh để tự tin cung cấp các nghiệp vụ chứng khoán như:

MÔI GIỚI ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN



TƯ VẤN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



LƯU KÝ



TỰ DOANH



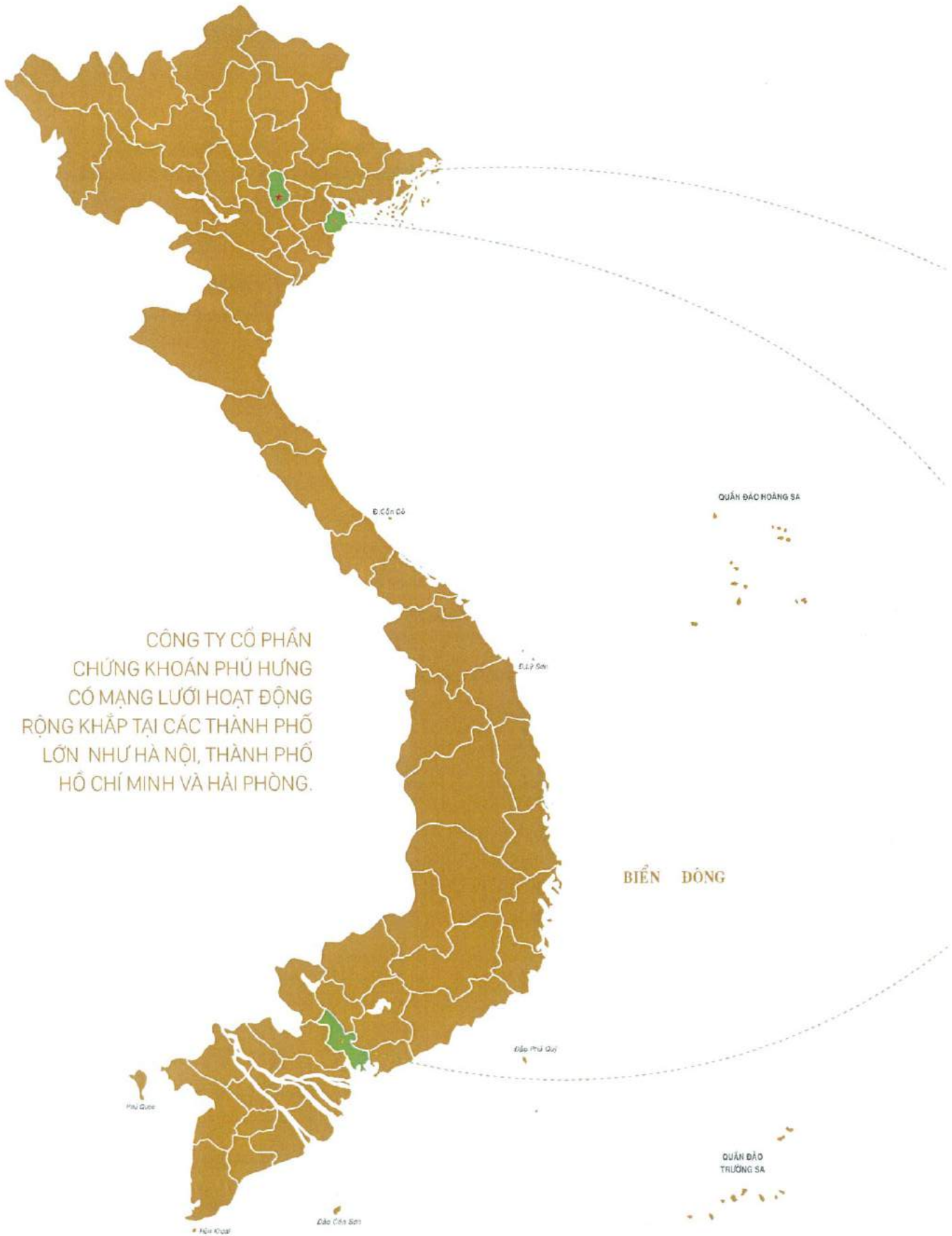
BẢO LÃNH
PHÁT HÀNH





Phu Hung
FINANCIAL GROUP

MẠNG LƯỚI



TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 3, Tòa nhà CR3-03A,
Street, Tan Phu Ward, District 7, HCM City

☎ (84-28) 5 413 5479

☎ (84-28) 5 413 5472

☎ (84-28) 5 411 8855

✉ info@phs.vn / support@phs.vn

Tổng đài đặt lệnh: (84-28) 5 413 5488

Website: www.phs.vn



HÀ NỘI

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex,
19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (84-4) 3 933 4566 ☎ (84-4) 3 933 4820

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương,
Trung Hoà-Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

☎ (84-4) 6250 9999



HẢI PHÒNG

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

☎ (84-31) 384 1810; ☎ (84-31) 384 1801



TP. HỒ CHÍ MINH

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

☎ (84-8) 5 413 5478; ☎ (84-8) 5 413 5473

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,
364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, Tp.HCM

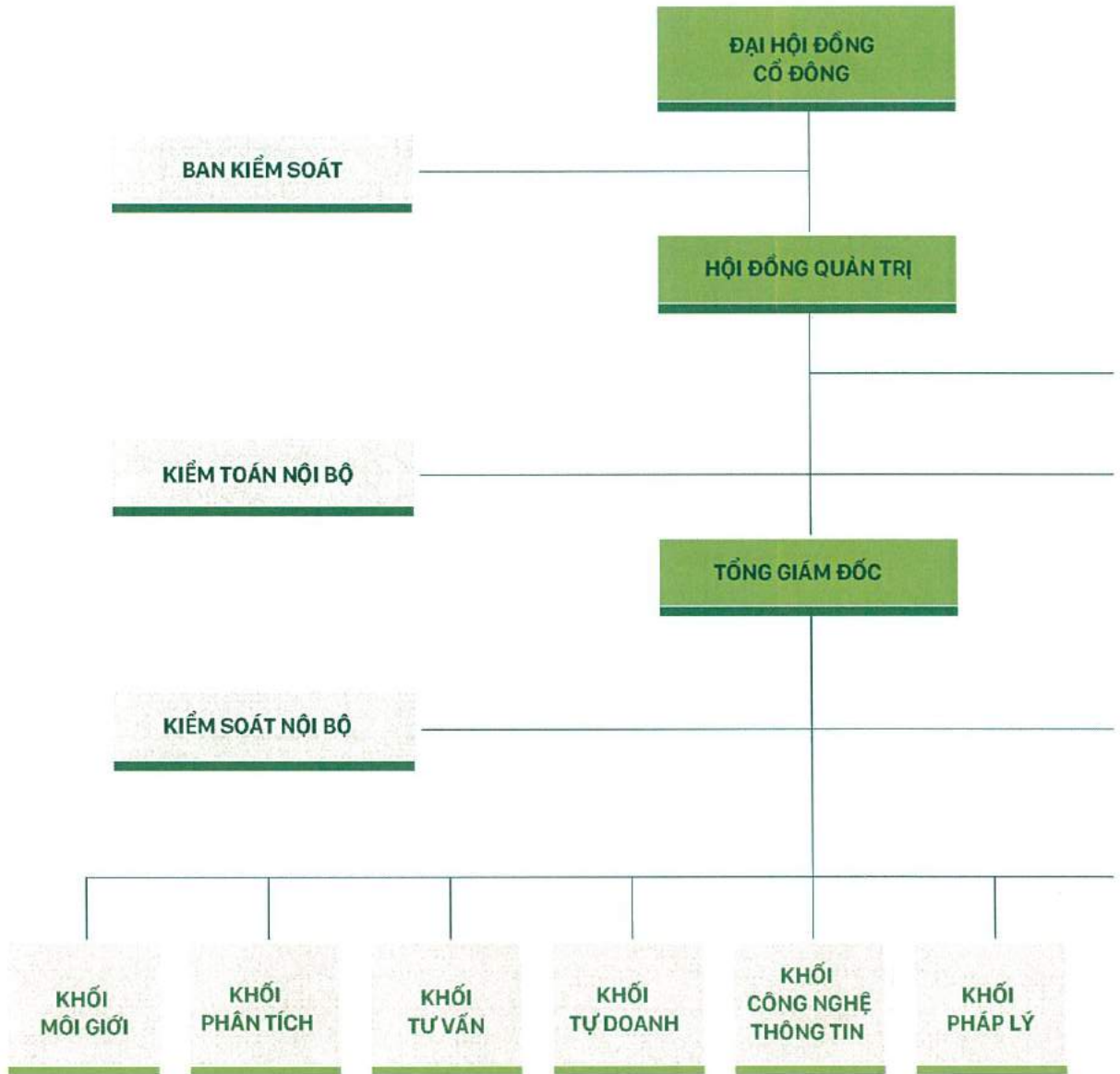
☎ (84-8) 3 813 2401; ☎ (84-8) 3 813 2415

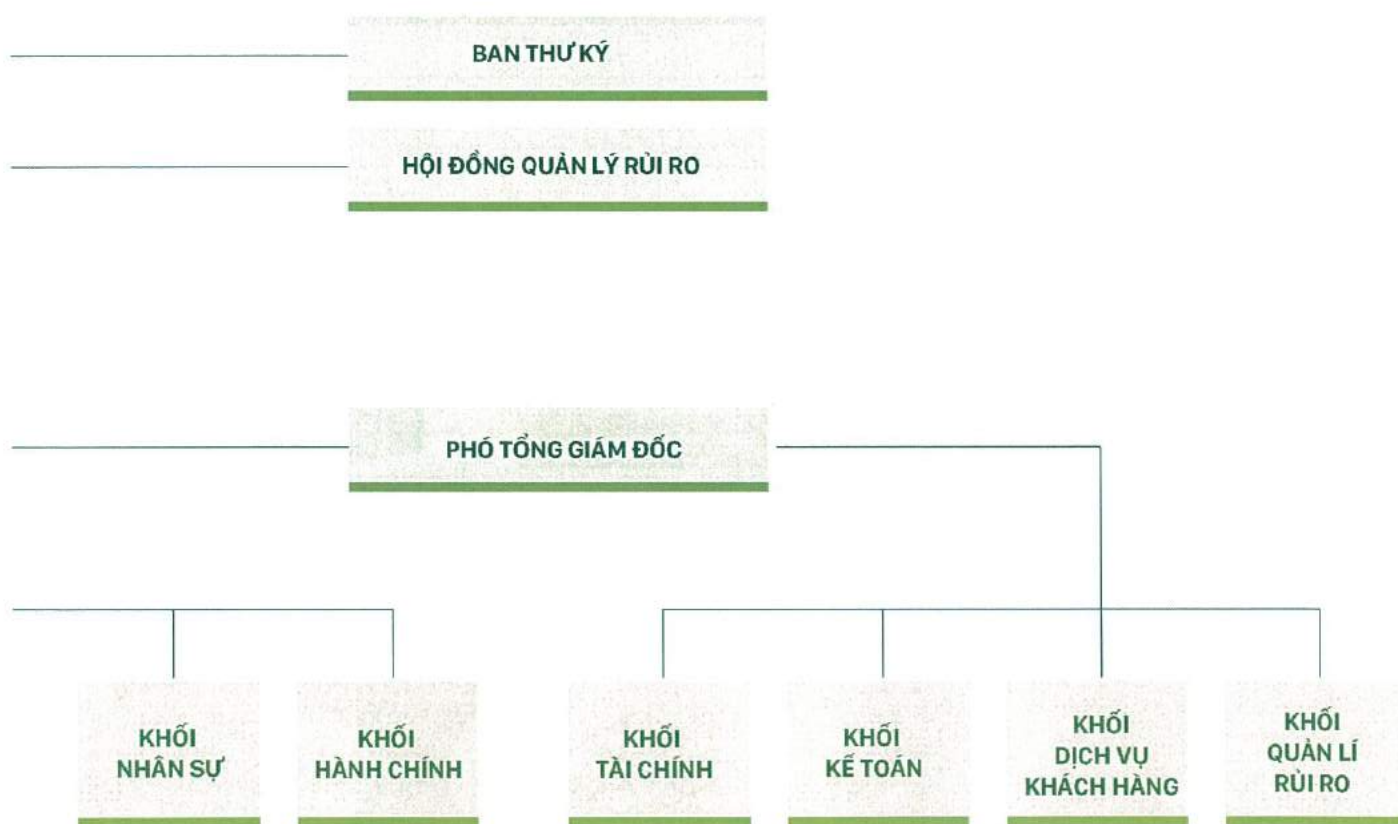
Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,
157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

☎ (84-8) 3 820 8068; ☎ (84-8) 3 820 8206

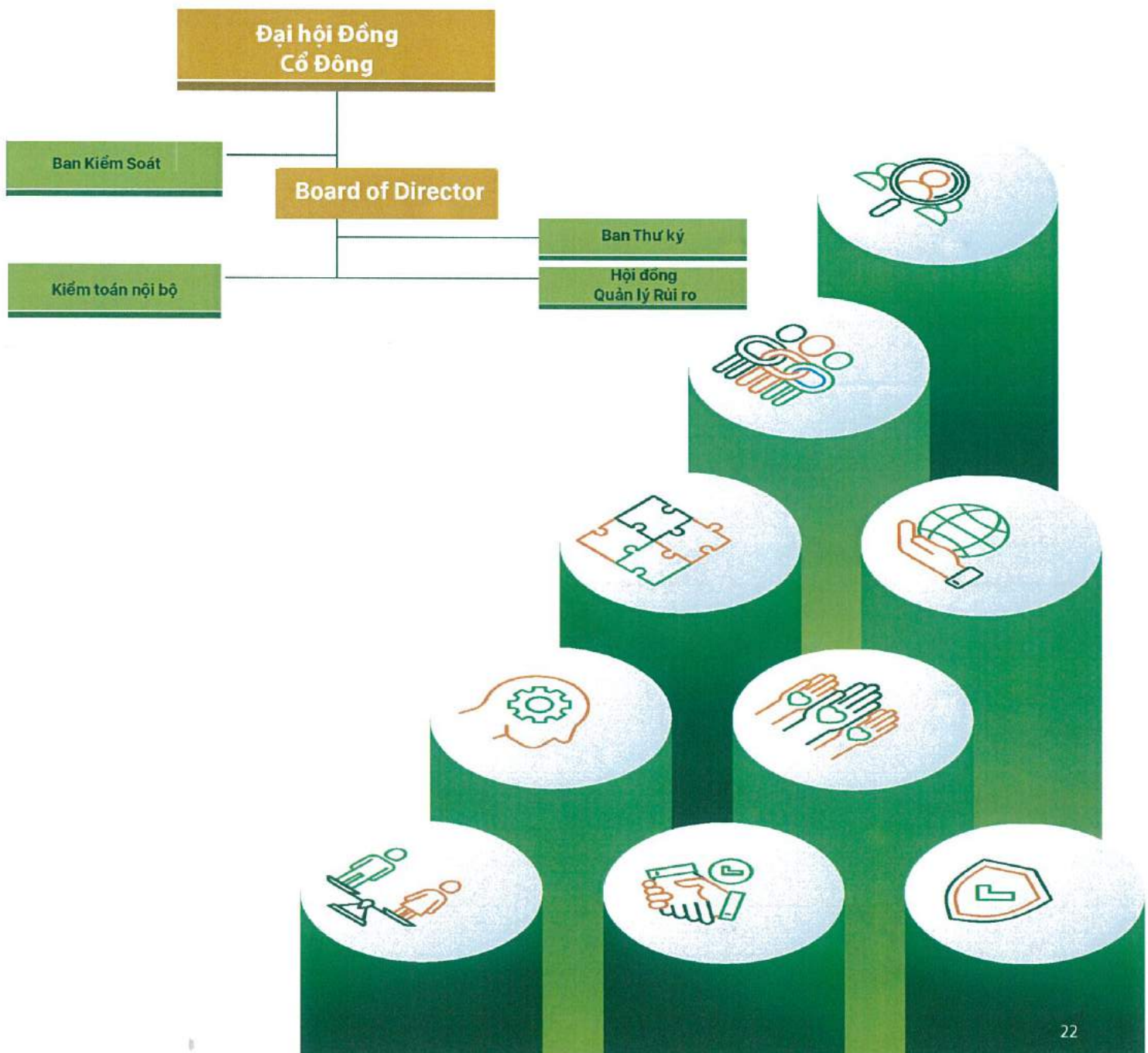
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị để giúp các cổ đông quản lý Công ty. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Hội Đồng Quản Trị quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiểm toán nội bộ và Hội đồng Quản lý rủi ro trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Ban Thư ký Công ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị.



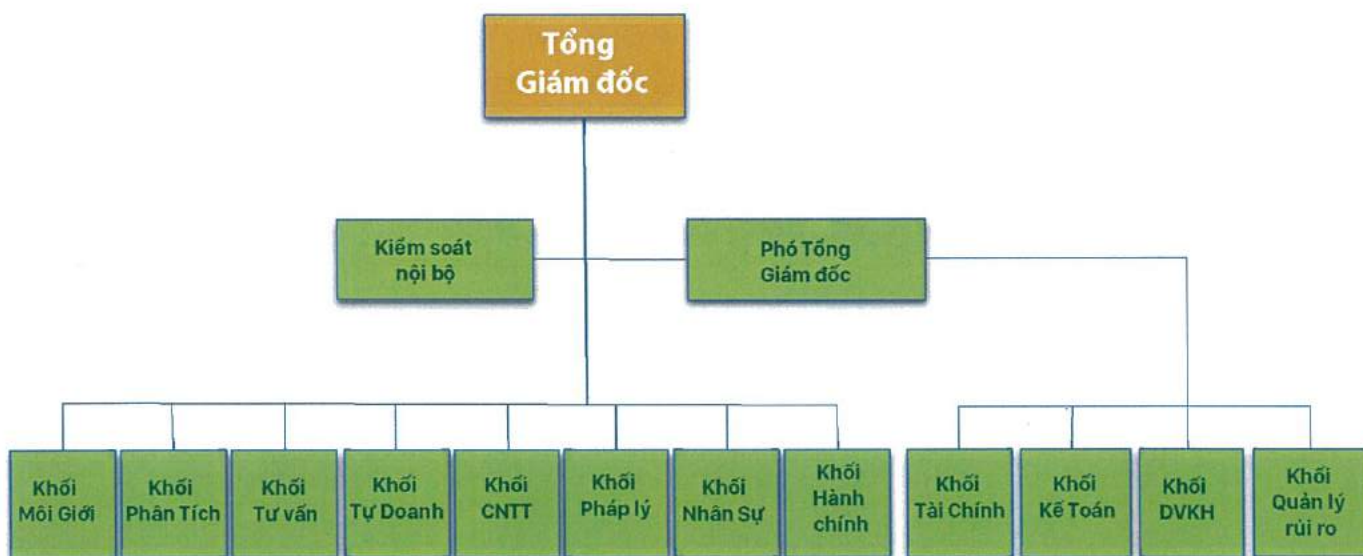


CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các khối, phòng ban trong Công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Tài chính, khối Kế toán, Khối Dịch vụ khách hàng và Khối Quản lý rủi ro. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

Các khối khác bao gồm: khối Môi giới, khối Tư vấn, khối Phân tích, khối Tự doanh, khối Hành chính, khối Nhân sự, khối Công nghệ thông tin và khối Pháp lý.



CÁC CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2020

Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ tập trung chủ yếu vào củng cố năng lực tài chính và chuẩn bị sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của Công ty. Để đạt được những mục tiêu đầy thách thức, HĐQT của PHS sẽ đi theo 6 chiến lược quan trọng như sau. PHS sẽ tiếp tục tăng thị phần trên thị trường đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm tư vấn đầu tư, ký quỹ và giao dịch trực tuyến. Ngoài ra, các sản phẩm mới sẽ được phát triển liên tục để đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm khuyến nghị và tư vấn đầu tư, bên cạnh mở rộng và đa dạng hóa các báo cáo nhận định và phân tích cơ hội thị trường, phân tích cổ phiếu, phân tích sự luân chuyển dòng tiền và thanh khoản thị trường. Tăng nguồn dư nợ giao dịch ký quỹ và đa dạng hóa các sản phẩm tài chính, cung cấp đòn bẩy giao dịch cho khách hàng.

PHS sẽ chuẩn bị giấy phép kinh doanh phái sinh, hệ thống giao dịch và các điều kiện cần thiết khác để đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia thị trường phái sinh Việt Nam.

Năm 2020, PHS cũng sẽ tiếp tục hợp tác với các nhà cung cấp để đưa ra sản phẩm Mobile App phù hợp nhất cho khách hàng, nhằm tạo sự thuận tiện và dần cải thiện chất lượng dịch vụ khi giao dịch chứng khoán tại PHS.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tăng cường hoạt động nghiên cứu, phân tích – Chúng tôi đặt mục tiêu xây dựng một hệ thống báo cáo phân tích toàn diện và chuyên sâu để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, các bộ phận kinh doanh bao gồm cả bán lẻ và tổ chức và các bộ phận khác. Bộ phận Nghiên cứu của chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng với hơn 10 chuyên gia vào năm tới và bao trùm tất cả các lĩnh vực quan trọng cùng với kinh tế vĩ mô và chiến lược thị trường.

Công ty tin tưởng một thương hiệu mạnh có thể tạo ra một “niềm tin lớn” đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, năm 2020, PHS sẽ đẩy mạnh quảng bá hình ảnh thông qua các kênh truyền thông đa phương tiện, truyền thông qua mạng xã hội, tham gia hoạt động từ thiện, và quảng bá nội bộ cho tất cả các nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, thông qua digital marketing, PHS muốn quảng bá hình ảnh và dịch vụ của Công ty tới khách hàng, đặc biệt là khách hàng tổ chức.

Năm 2020, PHS đang nỗ lực tìm kiếm thêm nguồn nhân lực để phát triển mạng lưới khách hàng tổ chức đồng thời hỗ trợ để giúp khách hàng tổ chức hiểu hơn về thị trường chứng khoán và cung cấp cho họ những dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên nghiệp trong năm tới.

PHS đã tổ chức các cuộc hội thảo cho các nhà đầu tư và các khoá đào tạo cho tất cả nhân viên về các sản phẩm phái sinh, và vào năm 2020, chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động này và biến nó trở thành các hoạt động thường xuyên.

CÁC RỦI RO

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi

RỦI RO THANH TOÁN

là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết

RỦI RO THANH KHOẢN

là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và qui trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác

RỦI RO PHÁP LÝ

là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu
 ↑ 14,9%

Thu nhập ròng
 ↑ 26,9%

Thị trường chứng khoán Việt Nam (thị trường) khởi đầu năm 2019 tương đối thịnh vượng, chỉ số VN-Index liên tục đi lên mạnh mẽ và vượt mức 1.000 điểm sau chưa đầy 3 tháng. Tuy nhiên, sự tăng trưởng chỉ duy trì trong một thời gian ngắn, thị trường bước vào sự điều chỉnh sâu sắc, đôi khi giảm xuống còn 940 điểm.

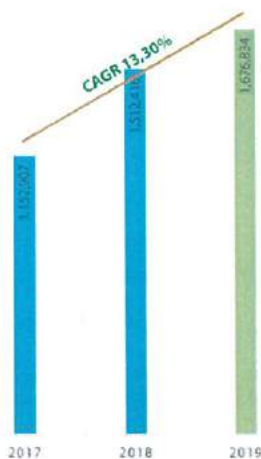
Từ đáy, thị trường bắt đầu ổn định và dần trở nên tích cực hơn. VN-Index liên tục biến động với biên độ hẹp, tạo vị thế tích lũy trong xu hướng tăng và lần thứ hai chinh phục ngưỡng 1.000 điểm vào cuối tháng 10. Sự bùng nổ tiếp theo khiến các nhà đầu tư lạc quan về mục tiêu thị trường sẽ chạm đến đỉnh cao lịch sử 1.200 điểm vào tháng 4 năm 2018.

Tuy nhiên, những tín hiệu tích cực đó lại chỉ duy trì trong một thời gian ngắn, áp lực chốt lãi mạnh ở vùng kháng cự kỹ thuật 1.020 điểm khiến VN-Index mất đà và rơi sâu xuống khu vực 950 điểm. Hiện nay, tâm lý nhà đầu tư đã ổn định hơn, thị trường tiếp tục quá trình tích lũy và chờ đợi để định hình xu hướng mới.

Cho cả năm 2019, nhà đầu tư nước ngoài đã mua 175.031 tỷ đồng trong khi đó bán 167.731 tỷ đồng trên toàn thị trường, tương đương với giá trị mua ròng là 7.300 tỷ đồng. Cho đến cuối năm 2019, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD,) đã cấp mã giao dịch chứng khoán cho 4.123 nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm 492 tổ chức và 3.631 cá nhân. So với năm 2018, số lượng nhà đầu tư nước ngoài được cấp mã số giao dịch giảm 1.414 mã, từ 5.537 mã của năm 2018 còn 4.123 mã trong năm 2019.

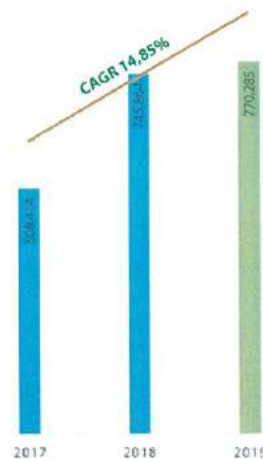
TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN

Unit: VND Mn.



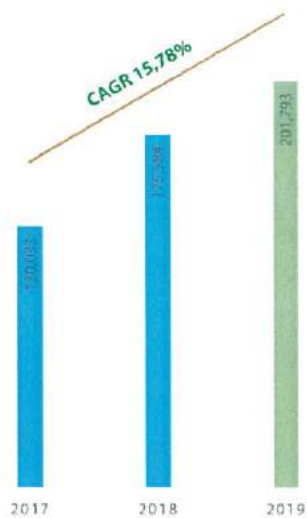
TĂNG TRƯỞNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Unit: VND Mn.



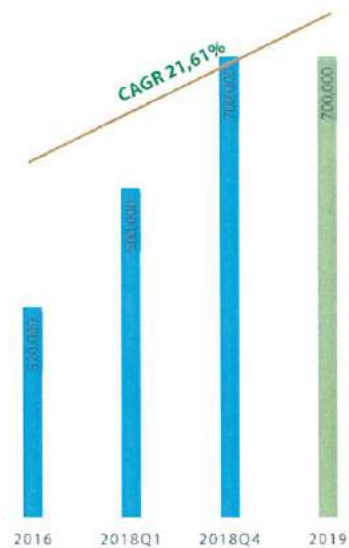
DOANH THU

Unit: VND Mn.



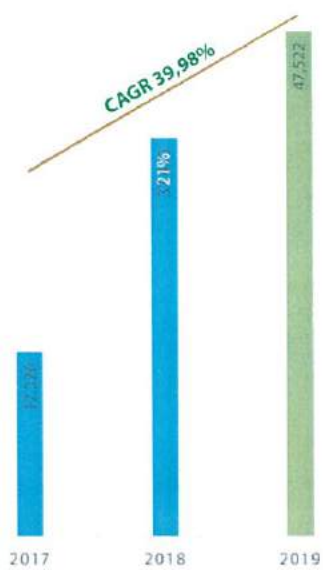
VỐN ĐIỀU LỆ

Unit: VND Mn.



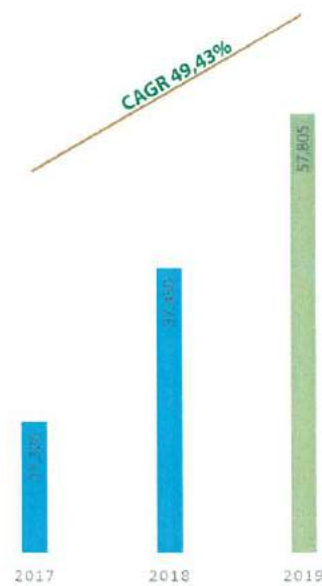
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Unit: VND Mn.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Unit: VND Mn.

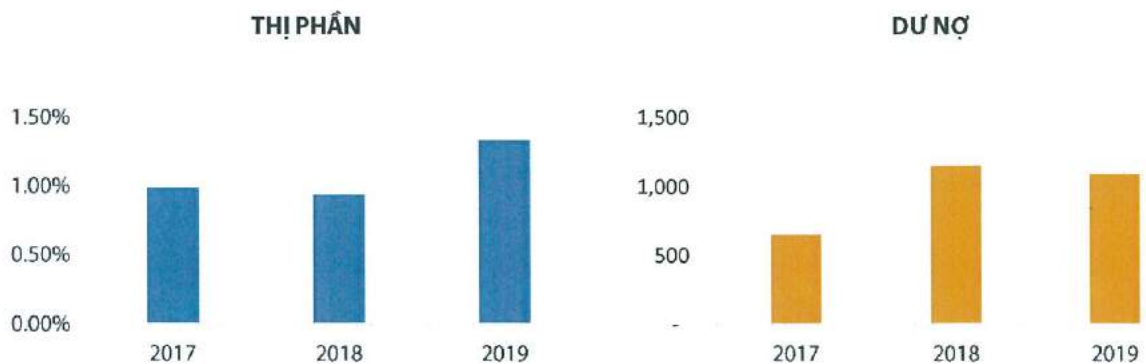


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Theo thống kê, doanh thu của các công ty chứng khoán năm nay cũng giảm hơn 20% do khối lượng giao dịch hàng ngày giảm, ít hàng hóa trên thị trường. Ngoài ra, số lượng cổ phiếu phát hành cũng giảm một nửa so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù thị trường đang gặp nhiều khó khăn trong năm 2019, nhưng Công ty cũng đạt được kết quả kinh doanh tốt.

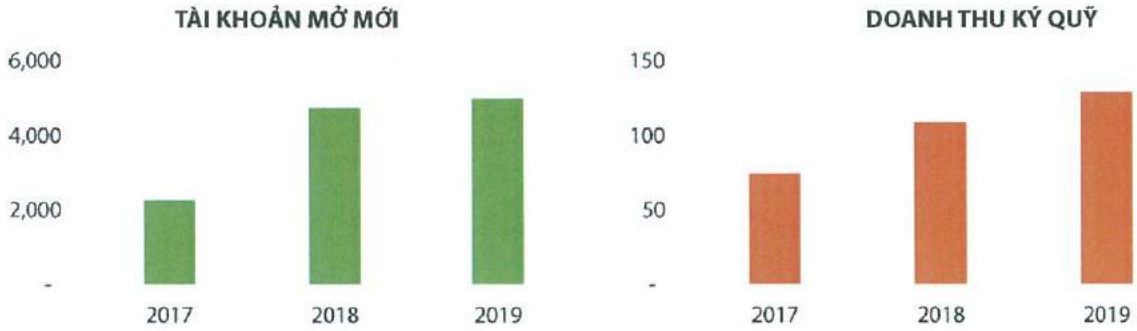
CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN



Năm 2019, giá trị thị trường chung giảm, nhưng thị phần của Công ty tăng trưởng mạnh, tăng hơn 40% so với năm 2018. Thu nhập từ hoạt động môi giới đạt 49 tỷ đồng, chiếm 22% tổng doanh thu của Công ty.





Sự tăng trưởng về số lượng tài khoản khách hàng là kết quả của việc không ngừng cải tiến sản phẩm, dịch vụ và nâng cao chất lượng của đội ngũ môi giới phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn. Dịch vụ giao dịch ký quỹ tăng 18,7% so với năm 2018. Dịch vụ tạm ứng cho khách hàng tăng 72%, dịch vụ lưu ký chứng khoán tăng 40% so với năm 2018.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Với kinh nghiệm đầu tư được tích lũy và quy trình kiểm soát rủi ro chặt chẽ, khối Tự doanh đã đạt được tỷ suất sinh lời 3,9% trong năm 2019. Danh mục đầu tư của chúng tôi tương đối nhỏ so với các công ty chứng khoán khác. Vì vậy, tích lũy kinh nghiệm giao dịch được xem là ưu tiên trong quá trình đầu tư. Hiện tại, mục tiêu lâu dài của PHS là tập trung xây dựng một đội ngũ phân tích và đầu tư theo định hướng thị trường. Chúng tôi cho rằng kỹ năng phân tích chuyên sâu và chính xác là chìa khóa quan trọng để đưa nhận định và quyết định đúng đắn trong hoạt động đầu tư chứng khoán. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư cao hơn trong tương lai.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN VÀ PHÂN TÍCH

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên Thị trường Chứng khoán (TTCK) của Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, Chứng khoán Phú Hưng cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngành và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, các dịch vụ tư vấn liên quan đến niêm yết, phát hành, cổ phần hóa, mua bán và sáp nhập cũng như các dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng tổ chức.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH

Năm 2019, PHS không thay đổi số lượng chi nhánh và phòng giao dịch, vẫn giữ tổng cộng 6 chi nhánh và phòng giao dịch. Nhưng nâng cao chất lượng nhân sự thông qua việc tuyển dụng cũng như đào tạo. Kết quả hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và phòng giao dịch đã mang lại hiệu quả cao, từng bước khẳng định sự phát triển bền vững.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1971
Trình độ: Thạc sĩ
Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Phạm Thị Thu Nhân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1984
Trình độ: Cử nhân
Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng
Năm sinh: 1986
Trình độ: Cử nhân
Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần



SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2019: 198 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 35.000.000.000 Việt Nam đồng (ba mươi lăm tỷ Việt Nam đồng).
- ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 14.700.000 Việt Nam đồng (mười bốn triệu bảy trăm ngàn Việt Nam đồng)/ người/ tháng.

PHS thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. PHS sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.512.415.822.665	1.676.833.891.148	10,9%
Doanh thu	175.580.248.661	201.777.699.902	14,9%
Thuế và các khoản phải nộp	1.279.855.304	4.876.090.886	281%
Lợi nhuận trước thuế	37.449.983.130	57.805.349.223	54,4%
Lợi nhuận sau thuế	37.449.983.130	47.521.553.006	26,9%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,95	1,82	
- Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,95	1,82	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,54	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,03	1,18	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,12	0,12	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,21	0,24	
	0,05	0,06	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,025	0,028	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Quy mô vốn</i>			
- Vốn điều lệ	700.000.000.000	700.000.000.000	
- Tổng tài sản có	1.512.415.822.665	1.676.833.891.148	
- Tỷ lệ an toàn vốn	783%	852%	
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay	17.440.641.278.308	18.550.391.283.325	
- Doanh số thu nợ	16.973.690.371.755	18.573.053.535.583	
- Nợ quá hạn	22.416.018.240	21.011.664.992	
- Nợ khó đòi	6.051.639.641	6.209.462.344	
Hệ số sử dụng vốn	3,11	3,82	
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,019	0,018	
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0,005	0,005	
<i>3. Khả năng thanh khoản</i>			
- Khả năng thanh toán ngay Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,95	1,82	
- Khả năng thanh toán chung Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả	1,95	1,82	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2019 là 70.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 70.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 0 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 5 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 249 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 13 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 241 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 241 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 13 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019, Công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng không thực hiện tăng vốn cổ phần.

Ngày 24/06/2019, PHS chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 3.3%/ cổ phiếu.

Ngày 25/07/2019, VSD chuyển dữ liệu đăng ký, lưu ký chứng khoán PHS từ thị trường Đại chúng chưa niêm yết sang thị trường Upcom.

Ngày 31/07/2019, PHS chính thức giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu, trong năm 2019 PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2019, PHS không phát hành chứng khoán.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU: PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG: PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

TIÊU THỤ NƯỚC: PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2019: 198 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 35.000.000.000 Việt Nam đồng (ba mươi lăm tỷ Việt Nam đồng).
- ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 14.700.000 Việt Nam đồng (mười bốn triệu bảy trăm ngàn Việt Nam đồng)/ người/ tháng.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2019: 168.358.750 Việt Nam đồng (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 5 năm trong năm 2019: 283.889.250 Việt Nam đồng (hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm năm mươi Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2019: 126.000 Việt Nam đồng (một trăm hai mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người/ năm.
- ❖ Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2019: khoảng 4.000.000 Việt Nam đồng (bốn triệu Việt Nam đồng)/ người.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Trong năm công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài về nghiệp vụ và sản phẩm nhằm hỗ trợ cho nhân viên cập nhật tính năng của dịch vụ và sản phẩm của công ty.
- ❖ Đồng thời, công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm để giúp nhân viên nâng cao tính chuyên nghiệp trong xử lý công việc.
 - Kỹ năng quản lý dự án
 - Kỹ năng giải quyết vấn đề
 - Kỹ năng phân tích các tình huống
- ❖ Nội dung đào tạo gồm nâng cao kỹ năng mềm, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật kiến thức về sản phẩm và dịch vụ, đào tạo nội quy lao động, quy chế Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG: KHÔNG CÓ

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: KHÔNG CÓ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Cuộc cạnh tranh trong lĩnh vực môi giới chứng khoán đang ngày càng gay gắt, PHS đã đầu tư vào công nghệ, con người và chất lượng tư vấn đầu tư để mang lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng. PHS sẽ tiếp tục phấn đấu và cải thiện hiệu quả kinh doanh tốt hơn.

Tăng giá trị giao dịch và doanh thu

Chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng không như mong đợi, nhưng đây là năm thành công về giá trị giao dịch và thị phần của PHS, cụ thể, giá trị giao dịch tăng 2,3% so với năm 2018 và thị phần tăng khoảng 43% (2019: 1,3% và 2018: 0,91%) và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong năm 2020.

Ngoài giao dịch cổ phiếu, giao dịch trái phiếu trong năm 2019 cũng đạt kỷ lục với thành tích là 1 trong 10 công ty hàng đầu có thị phần cao nhất vào tháng 11 năm 2019, góp phần nâng cao vị thế của PHS trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tăng trưởng khách hàng và mở rộng mạng lưới

Với hơn 5.000 tài khoản mở mới trong năm 2019 cao hơn so với năm 2018 là 5,3%. Mặc dù tốc độ tăng không cao, nhưng số lượng và chất lượng của khách hàng đã được cải thiện một phần. Công ty sẽ tiếp tục duy trì định hướng này trong những năm tới.

Năm 2019, Công ty tiếp tục chiến lược phát triển nhiều đội ngũ môi giới cho cả miền Nam và miền Bắc, bao gồm những người có kinh nghiệm, nắm giữ những vị trí cao như giám đốc của các công ty chứng khoán lớn, các doanh nghiệp niêm yết nổi tiếng. Chiến lược này sẽ được duy trì và phát triển mạnh mẽ hơn trong năm 2020.

Nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển sản phẩm mới

Liên tục nâng cấp hệ thống giao dịch và các công cụ hỗ trợ để đảm bảo nhanh chóng và hiệu quả trong việc đặt lệnh và xử lý giao dịch. Các dịch vụ trực tuyến cũng được cải thiện và nâng cấp đáng kể, hỗ trợ khách hàng có thể sử dụng tất cả các dịch vụ tại nhà.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đầu tư nâng cấp hệ thống giao dịch trên điện thoại và máy tính bảng để tạo thêm nhiều tiện ích cho khách hàng có thể giao dịch mọi lúc, mọi nơi. Với mục tiêu tăng vốn và triển khai các sản phẩm phái sinh, Công ty đang chuẩn bị hoàn tất quy trình vận hành các sản phẩm phái sinh, sẵn sàng triển khai trong quý II năm 2020.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Năm 2019, thị trường chứng khoán Việt Nam vận động trong biên độ với việc chỉ số VN-Index chủ yếu dao động quanh khu vực 900 – 1.000 điểm trong suốt thời gian giao dịch, và kết thúc năm với mức tăng 7,7%.

Thị trường chứng kiến sự tăng trưởng tích cực vào quý một, trước khi bước vào xu hướng vận động trong biên độ kể từ quý hai năm 2019. Trong quý đầu tiên của năm, động lực tăng trưởng đến từ lực cầu bắt đáy của nhà đầu tư trong nước và dòng tiền mua ròng của khối ngoại. Đây là yếu tố chính thúc đẩy chỉ số VN-Index vượt 1.000 điểm vào giữa tháng 3. Tuy nhiên, xung đột thương mại và những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu đã làm cho nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn. Vì vậy, chỉ số đã phải đối diện với áp lực chốt lời mỗi khi tiến đến ngưỡng 1.000 điểm và chịu điều chỉnh trong biên độ (950 – 1.000 điểm) trong phần lớn thời gian của năm. Mặc dù chỉ số vượt ngưỡng 1.000 điểm vào cuối tháng 10, nhưng thị trường đã làm thất vọng nhà đầu tư khi áp lực điều chỉnh quay trở lại trong hai tháng cuối của năm. Tính đến 31/12/2019, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 960,9 điểm (+ 7,7%), trong khi chỉ số HNX-Index giảm nhẹ và đóng cửa ở mức 102,5 điểm (- 1,6%).

Thị trường chứng khoán chủ yếu vận động trong biên độ. Đặc biệt, sự biến động của thị trường đã tăng lên đáng kể trong quý bốn, nên đã ảnh hưởng đến chiến lược và hoạt động giao dịch. Theo đó, lợi nhuận của danh mục đầu tư đã bị thu hẹp lại trong quý cuối của năm. Tuy nhiên, việc bám sát chuyển động của thị trường, cùng với phân tích các mã cổ phiếu đầu ngành một cách hiệu quả, danh mục đầu tư trong năm 2019 đã có được kết quả tốt hơn so với ngành. Danh mục đầu tư chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu đầu ngành có kết quả kinh doanh tốt và có câu chuyện riêng trên thị trường.

Hiện tại, danh sách cổ phiếu đầu tư được theo dõi, cập nhật và điều chỉnh cùng với những tín hiệu từ kỹ thuật và cơ bản. Bên cạnh đó, danh mục đầu tư cũng được đa dạng hóa hơn là chỉ tập trung vào một loại cổ phiếu nào đó. Kết thúc năm 2019, tỷ suất sinh lời của danh mục đầu tư đạt được 3,9%.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Năm 2019, với kinh nghiệm tư vấn thực tiễn, khối Tư vấn đã gần như đạt được doanh thu mục tiêu theo kế hoạch. Các nguồn doanh thu khá là đa dạng bao gồm các dịch vụ tư vấn về phát hành cổ phiếu, niêm yết, mua bán và sáp nhập cũng như phát hành trái phiếu. Nhưng tác động chính của sự tăng trưởng là chuyển nhượng cổ phần và dịch vụ tư vấn tăng vốn điều lệ. Trong năm nay, PHS đã tăng cường kết nối với các công ty niêm yết và đại chúng để tìm ra nhiều nhu cầu tiềm năng hơn trong việc niêm yết và phát hành cổ phiếu. Trong khi đó, bằng cách cung cấp nhiều dịch vụ hơn cho các khách hàng mới, nhóm tư vấn có thể tích lũy thêm kinh nghiệm và hoàn thành các giao dịch một cách chuyên nghiệp hơn. Chúng tôi hy vọng những nỗ lực của chúng tôi có thể được thị trường công nhận và sau đó nâng cao nhận biết về thương hiệu PHS. Để đạt được doanh thu mục tiêu theo kế hoạch, khối Tư vấn đã nỗ lực rất nhiều để hoàn thành nhiều hợp đồng mới liên quan đến việc tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu, mua bán và sáp nhập, phát hành cổ phiếu riêng lẻ và ra công chúng cũng như các dịch vụ tư vấn quản lý công ty đại chúng trong suốt năm 2019. Hầu hết các hợp đồng mới đã hoàn thành trong năm nay và các hợp đồng đang diễn ra khác dự kiến sẽ ghi nhận thêm doanh thu trong tương lai gần vào năm 2020.

Năm 2020, PHS sẽ tập trung vào việc tăng cường khả năng tư vấn bằng cách cung cấp một dịch vụ tư vấn toàn diện hơn, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu cũng như mua bán và sáp nhập. Công ty sẽ duy trì chiến lược kinh doanh chính trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói cho các khách hàng quan trọng, đặc biệt là các dịch vụ tư vấn liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam. Đồng thời, khối Tư vấn sẽ cố gắng cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao kinh nghiệm tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng như tư vấn mua bán và sáp nhập nhằm nâng cao sự hài lòng của các khách hàng và nhà đầu tư, thu hút các khách hàng mới bằng cách mở rộng mối quan hệ trong nước và quốc tế cũng như tiếp tục xây dựng thương hiệu uy tín trong ngành.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cuối năm 2019 tổng tài sản công ty đang quản lý là 1.676.833.891.148 đồng tăng 164.418.068.483 đồng (10,8%) so với đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.652.163.390.210 đồng chiếm 98,5% trong tổng tài sản (đầu năm chiếm 98,8%). Tài sản dài hạn là 24.670.500.938 đồng chiếm 1,5% trên tổng tài sản (đầu năm chiếm 1,2%). Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2019 so với đầu năm không thay đổi nhiều nhưng tổng tài sản tăng do hoạt động kinh doanh của công ty tăng lên. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,12.

Nợ xấu phải thu cuối năm 2019 là 6.209.462.344 đồng chiếm 0,4% trên tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2019 khoản nợ phải trả của công ty là 906.548.441.876 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 668.349.100.000 đồng chiếm 74% của tổng nợ phải trả vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.

THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN

Các khoản nợ đến hạn luôn được công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

Tính đến thời điểm 31/12/2019, số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Số dư khoản vay ngắn hạn và dài hạn	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Ngắn hạn	556,826	647,666	775,236
Vay ngắn hạn	556,826	647,666	775,236
Dài hạn	0	0	0
Tổng cộng	556,826	647,666	775,236

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	2	5	3
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3,249
Thuế thu nhập cá nhân	1,368	1,275	1,608
Thuế nhà thầu	0	-	16
Tổng cộng	1,371	1,280	4,876

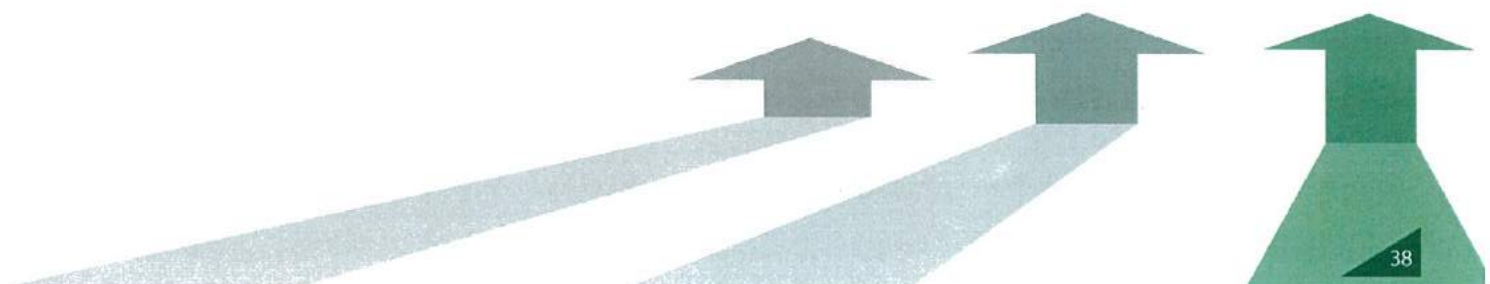
TÌNH HÌNH CÔNG NỢ HIỆN NAY

CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	15,979	32,398	20,294
Trả trước cho người bán	434	1,151	906
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	25,888	15,727	14,855
Phải thu khác	12,802	12,936	12,909
Dự phòng các khoản phải thu	(9,470)	(9,290)	(9,326)
Tổng cộng	45,633	52,922	39,637

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Nợ phải trả ngắn hạn	644,152,3483	766,188	906,211
Nợ phải trả dài hạn	340,4375	365	337
Tổng cộng	644,493	766,552	906,548





TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2017, 2018, 2019

Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng		Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng		Đơn vị: triệu đồng	
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2018	31/12/2019	Giá trị rủi ro/	vốn khả dụng
Tổng giá trị rủi ro thị trường	510	275		405		
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	28,474	34,389		28,599		
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60,000	60,000		60,000		
Tổng giá trị rủi ro	88,985	94,664		89,004		
Vốn khả dụng	504,606	740,875		758,447		
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	567%	783%		852%		

Theo quy định tại thông tư Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài Chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. PHS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

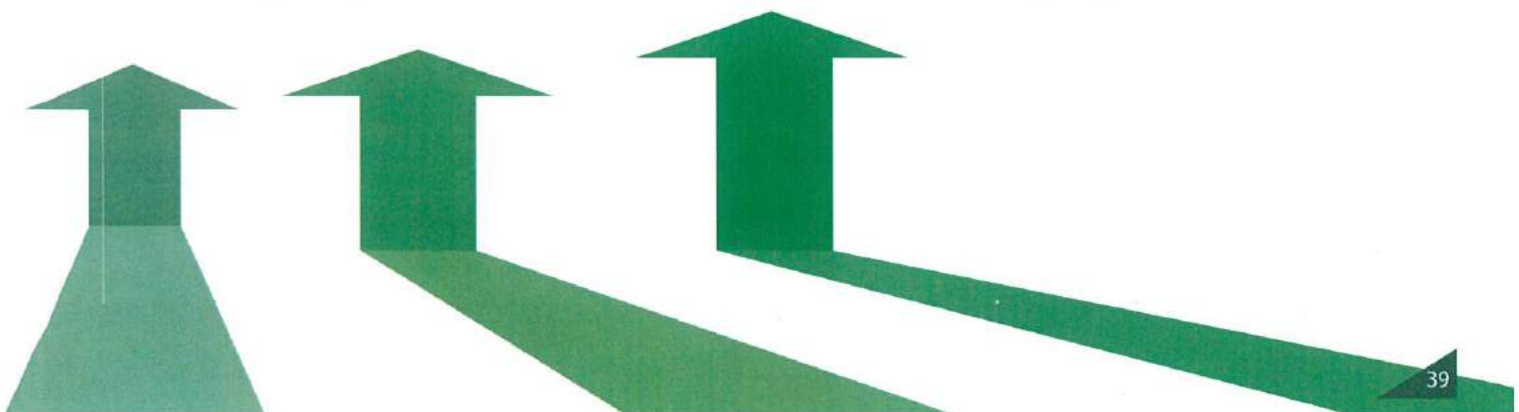
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty					
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1.77	1.95	1.82	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0.56	0.51	0.54	
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1.27	1.03	1.18	
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	0.11	0.12	0.12	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0.134	0.21	0.24	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0.04	0.06	0.06	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0.02	0.03	0.03	
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	Đồng / CP	537	729	679	

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của PHS qua các năm đều lớn hơn 1 cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không thay đổi nhiều qua các năm và thấp hơn so với mức giới hạn 300% áp dụng cho công ty chứng khoán.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng đều qua các năm cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của PHS.

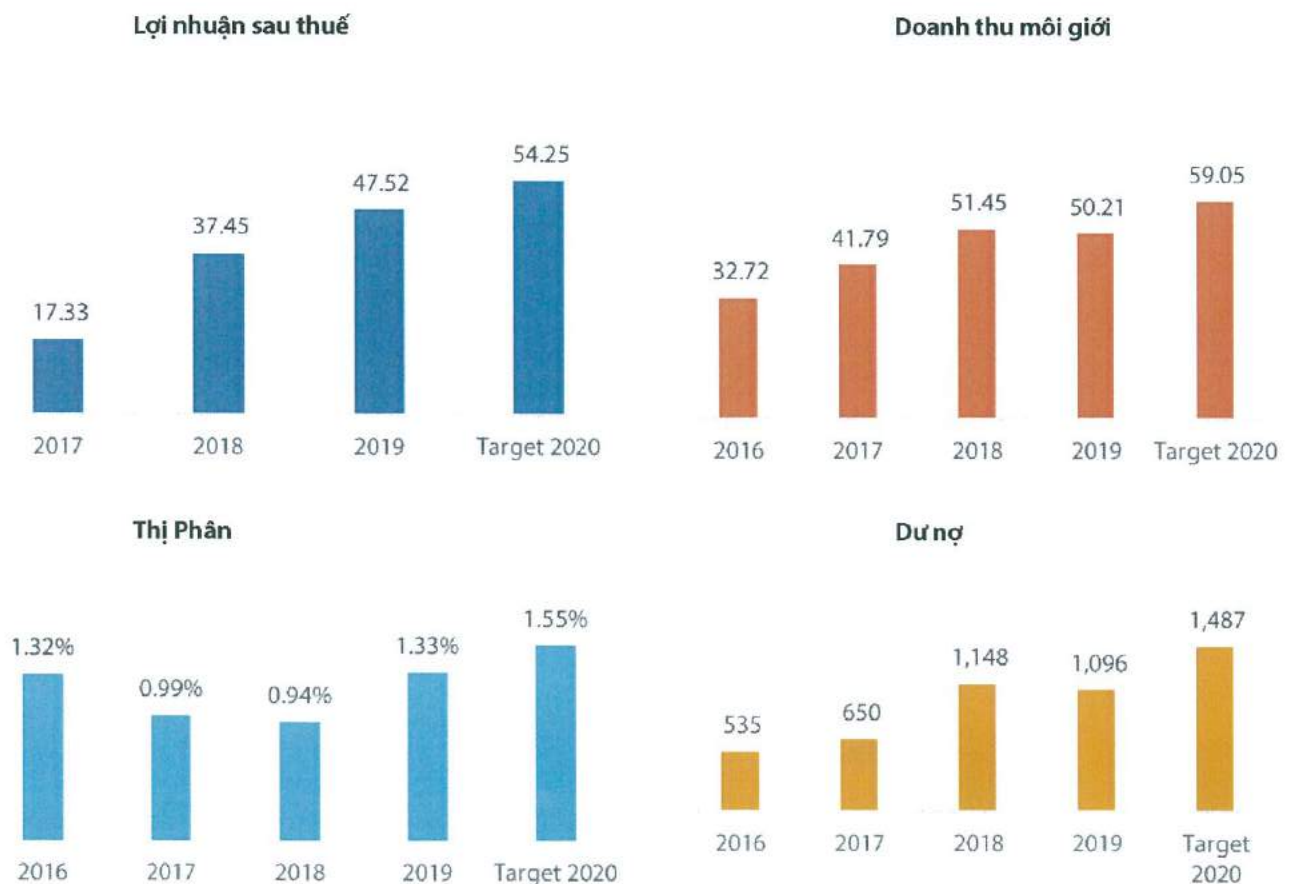


NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ❖ Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giảm, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- ❖ Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty luôn chú trọng nâng cấp hệ thống, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng.
- ❖ Về chính sách: luôn cập nhật những thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI





Để đạt mục tiêu đến năm 2020, PHS sẽ cung cấp thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào thị trường

- Để thu hút khách hàng mới, cũng như duy trì khách hàng cũ, Công ty đã tạo ra nhiều tiện ích cho khách hàng giao dịch, quản lý tài khoản, tự động hóa một số hoạt động để cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng và tạo điều kiện thuận lợi về phí cho khách hàng mua cổ phiếu quỹ, ưu đãi giao dịch cho nhân viên, v.v.
- Tiếp tục hướng đến khách hàng cá nhân, PHS chọn chiến lược phát triển công nghệ để mang đến các dịch vụ hữu ích cho nhà đầu tư, thu hút nhà đầu tư giao dịch với PHS như: xây dựng bảng điện tiện ích, trang web giao dịch trực tuyến thuận lợi, công cụ tư vấn đầu tư trực tuyến, tiện ích để giao dịch trên điện thoại, máy tính bảng, v.v.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo nhân viên cũng là một nhiệm vụ quan trọng trong năm 2020. Với kế hoạch tuyển dụng những nhân viên xuất sắc, nhiệt tình, có kiến thức và chuyên môn phù hợp sẽ hỗ trợ cho chiến lược kinh doanh của Công ty. Công ty sẽ duy trì định hướng nghề nghiệp và tuyển sinh trong hội thảo tại các trường đại học hàng đầu Việt Nam như: Kinh tế quốc dân, Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, v.v. Các bạn trẻ sẽ được đào tạo và trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp để thể hiện tài năng và có cơ hội trở thành nhân viên chính thức của PHS.
- Tích cực tham gia vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng số trái phiếu phát hành cả năm là 280.141 tỷ đồng, tương đương 93,2% giá trị chào bán và tăng 25% so với năm 2018. Hầu hết các doanh nghiệp phát hành dưới hình thức riêng biệt, chỉ khoảng 6% được phát hành ra công chúng bởi các ngân hàng thương mại.
- Thúc đẩy giao dịch thứ cấp trên thị trường trái phiếu Chính phủ. Theo HNX, năm 2019, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 215.267 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ thông qua đấu thầu tại HNX, đạt 86% kế hoạch phát hành trong năm 2019. Tại thị trường thứ cấp, PHS đạt thành tích top 10 những công ty có thị phần trái phiếu chính phủ lớn nhất vào tháng 11 năm 2019.

TỰ DOANH

Năm 2020, kinh tế vĩ mô của Việt Nam sẽ duy trì vững chắc hơn. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục chảy mạnh mẽ vào đất nước giúp ổn định tiền đồng Việt Nam và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, theo Hội nghị triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2020, nền kinh tế thế giới sẽ có sự hồi phục nhẹ trong năm tới, sau khi suy giảm đáng kể vào năm 2019. Tuy nhiên, thị trường có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố không chắc chắn, như xung đột thương mại, bất ổn chính trị và nhiều hơn nữa. Do đó, chúng tôi dự báo rằng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ dao động trong vùng 900 – 1.030 vào năm 2020.

Trong khi đó, cùng với việc điều chỉnh chiến lược phát triển của công ty, dự kiến trong năm 2020 khối Tự doanh sẽ nhận được nhiều hỗ trợ chuyên nghiệp hơn từ khối Phân tích khi kế hoạch thành lập nhóm được thực hiện như kế hoạch. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư cao hơn trong tương lai.

Tóm lại, Khối Tự doanh sẽ theo dõi sự chuyển động của thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán. Với việc hợp tác chặt chẽ với đội ngũ Phân tích trong việc phân tích cơ bản cũng như phân tích kỹ thuật, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, bên cạnh hoạt động rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.



MARKETING

Kể từ đầu năm 2019, PHS đã mở rộng hợp tác với các kênh truyền thông tài chính và qua đó các tin tức của Công ty đã được công bố rộng rãi nhằm mục tiêu làm cho thị trường chứng khoán quen thuộc hơn với thương hiệu và hiểu được hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động này đã mang đến một số hỗ trợ nhất định cho quá trình kinh doanh và tuyển dụng của chúng ta.

Ngoài ra, dịp ra mắt nền tảng giao dịch chứng khoán mới trên thiết bị di động và hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh – dự kiến sẽ ra mắt vào quý 1 và 2 năm 2020 – sẽ là cơ hội rất tốt để PHS đẩy mạnh việc PR. Công ty sẽ tổ chức chương trình PR cho phép các nhà đầu tư hiểu biết thêm về các sản phẩm và dịch vụ mới của mình nhằm mục tiêu duy trì khách hàng hiện tại và thu hút khách hàng mới. Chúng tôi tin rằng những hệ thống mới này sẽ giúp ích rất nhiều cho sự phát triển kinh doanh trong tương lai.

Internet đang trở nên phổ biến hơn tại Việt Nam và Công ty sẽ đầu tư nhiều nguồn lực hơn vào tiếp thị kỹ thuật số để đạt được hiệu quả cao trong tiếp thị và tăng cường mức độ tương tác giữa khách hàng với Công ty. Thời gian đầu, Công ty sẽ tối ưu hóa hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) hiện tại để có thể sử dụng email marketing cung cấp thêm thông tin cho khách hàng hiện tại. Đồng thời, sẽ xây dựng một nhóm điều hành trang mạng xã hội để tiếp cận các khách hàng tiềm năng trên internet. Bên cạnh đó, Công ty cũng nghiên cứu phương thức marketing qua các công cụ tìm kiếm nhằm giúp cho thương hiệu doanh nghiệp trở nên quen thuộc hơn với người dùng internet.

Về hoạt động Marketing nội bộ năm 2019, Công ty đã tổ chức nhiều sự kiện hữu ích tăng cường tinh thần đồng đội, ví dụ như cuộc thi nấu ăn PHS' Master Chef hoặc cuộc thi Thiết kế áo thun Công ty PHS, v.v. Những sự kiện này đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ đội ngũ nhân viên và mang đến một kết quả đáng khích lệ. Ngoài ra, các hoạt động này cũng giúp ích cho việc PR của Công ty khi các nhân viên chia sẻ thông tin lên mạng xã hội.

Năm 2020, phòng Marketing đang có kế hoạch khởi động xu hướng bảo vệ môi trường đi cùng với các hoạt động xây dựng đội ngũ nội bộ định kỳ. Các hoạt động này sẽ tập trung vào các mục đích sau: nâng cao ý thức của nhân viên về việc bảo vệ môi trường, xây dựng tinh thần làm việc nhóm và tăng nhận thức cộng đồng về thương hiệu PHS. Chúng tôi hy vọng rằng với các hoạt động xây dựng đội ngũ, nhân viên sẽ có nhiều cơ hội hơn để tìm hiểu văn hóa của Công ty và để hiểu về nhau nhiều hơn.





QUẢN LÝ RỦI RO

Năm 2019, hoạt động Quản lý Rủi ro được cập nhật kịp thời và tiến hành theo các quy định của pháp luật và tình hình thị trường. Bên cạnh đó, Chiến lược Quản lý Rủi ro đã được thay đổi, trong đó cơ cấu dư nợ chủ yếu được phân bổ cho các cổ phiếu vốn hóa lớn, cổ phiếu cơ bản tốt và khách hàng có uy tín. Với tình hình thị trường đầy hứa hẹn vào năm 2020, khối Quản lý Rủi ro sẽ tiếp tục áp dụng các chính sách quản lý rủi ro tương tự như năm 2019, trong đó tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Các hoạt động quản lý rủi ro cụ thể là dịch vụ giao dịch ký quỹ đạt hiệu quả cao. Dựa vào kết quả đánh giá nợ xấu từ dịch vụ giao dịch ký quỹ, chúng ta có thể thấy rằng không có phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào mới trong năm 2019. Khối Quản lý rủi ro đã hợp tác tốt với khối phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường. Đồng thời với việc sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối CNTT cũng hỗ trợ rất tốt cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Năm 2020 cùng với đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” của SSC với mục tiêu tiếp tục cơ cấu lại toàn diện để thị trường chứng khoán trở thành kênh dẫn vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế, xây dựng cơ cấu hợp lý, cân bằng giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, giữa thị trường cổ phiếu và trái phiếu, giữa trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp; hỗ trợ tích cực quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân; tăng cường mở cửa và hội nhập với thị trường khu vực và thế giới; đặc biệt là nâng cao năng lực quản lý rủi ro, tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra theo hướng tiếp cận với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất, phù hợp với điều kiện thực tế hứa hẹn sẽ có nhiều thay đổi tích cực tạo khung pháp lý chặt chẽ, hiệu quả; giảm thiểu phần lớn các rủi ro pháp lý, hạn mức, thanh khoản, thanh toán, thị trường, hoạt động.

Giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ các hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng nhất trong hoạt động quản lý rủi ro. Để đảm bảo các chiến lược đó, Bộ phận quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với Bộ phận nghiên cứu để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc Khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho Khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau và hỗ trợ tốt các hoạt động kinh doanh.

Trên hết, chính sách Quản lý Rủi ro năm 2020 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững trong tăng trưởng kinh doanh.



QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Nhằm đáp ứng nhu cầu lớn mạnh của công ty trong những năm tiếp theo, PHS tiếp tục tập trung vào môi giới bán lẻ, củng cố và phát triển mạnh số lượng nhân viên môi giới phát triển khách hàng nhằm thu hút khách hàng mới bên cạnh việc vẫn duy trì và cải tiến các biên chế hiện tại, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực là cực kỳ cần thiết trong chiến lược phát triển của Công ty. Trong năm 2019, Công ty đã đa dạng kênh thu hút hồ sơ ứng viên với việc tuyển dụng thông qua nhân viên PHS với chương trình có thưởng, các mối quan hệ, ký kết thỏa thuận hợp tác với các trường Đại học và các câu lạc bộ chứng khoán sinh viên, tìm nguồn ứng viên mới ra trường hoặc ứng viên tiềm năng trong khoảng thời gian tham gia thực tập, kiến tập tại Công ty, đáp ứng các nhu cầu tuyển của Công ty. Qua những kênh này, công ty đã có thêm những nhân viên tiềm năng với hình thức cộng tác viên hoặc nhân viên chính thức. Năm 2020 và các năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục duy trì các kênh này để thu hút thêm ứng viên và phát triển thêm những kênh tuyển dụng khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của công ty. Bên cạnh đó, Công ty sẽ cố gắng tăng tỷ lệ giữ lại được trên tổng số nhân viên đã tuyển được trong năm.

Đồng thời công ty cũng rất chú trọng đến chiến lược phát triển chất lượng nguồn nhân lực, không ngừng đào tạo và đào tạo lại lực lượng hiện có, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm. Trong năm 2019, công ty đã thực hiện nhiều chương trình đào tạo nội bộ giúp cho nhân viên nâng cao nghiệp vụ để hỗ trợ cho công việc tốt hơn như kỹ năng phân tích kỹ thuật, kỹ năng bán hàng, phân tích đánh giá tình huống. Bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ, Công ty đã mời một số chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm và uy tín trên thị trường trong và ngoài nước về đào tạo cho nhân viên như Kỹ năng quản lý dự án, Kỹ năng giải quyết vấn đề v.v. và hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học về sản phẩm mới của Thị trường chứng khoán và các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn để có chứng chỉ hành nghề như quy định. Dự kiến trong năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào đào tạo nâng cao nghiệp vụ và các kỹ năng mềm cho cả cấp quản lý và nhân viên như kỹ năng quản lý chuyên sâu, kỹ năng đào tạo, kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, thuyết phục khách hàng, giao tiếp và ứng xử với bên trong và bên ngoài, kỹ năng ngoại ngữ, v.v để chúng ta có thể mở mang kiến thức cho nhân viên trong công ty. Khối Nhân sự sẽ tích cực tìm hiểu các khóa học phù hợp cho các nhân viên và tiếp tục chuẩn hóa bộ đào tạo cho nhân viên mới.

Mặt khác, Công ty tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp hơn nữa nhưng không thiếu phần thân thiện, tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp, tăng cường việc tuân thủ kỷ luật và cải tiến các chính sách phúc lợi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc cho công ty. Trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc cải tiến hệ thống đánh giá KPI trực tuyến với các tiêu chí đánh giá cụ thể và chi tiết hơn để đảm bảo tính chính xác và công bằng hơn nữa. Với hệ thống đánh giá KPI trực tuyến này, giúp cho nhân viên thuận lợi hơn trong việc thực hiện đánh giá hiệu suất của bản thân và xem được kết quả đánh giá của các cấp để từ đó biết được những điểm cần phải cải tiến hơn nữa trong công việc. Bên cạnh đó, khối Nhân sự cũng hỗ trợ các thủ tục cần thiết để nhân viên hoàn tất khóa học chứng chỉ chuyên môn cho Dự án phái sinh của công ty. Bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa khả năng sáng tạo của nhân viên, mà nó cũng là một trong những mục tiêu của chúng tôi.

Khối Nhân sự sẽ tiếp tục phối hợp với các khối phòng ban khác xây dựng các chương trình thi đua nhằm tăng doanh thu và giảm chi phí. Tiễn thưởng được chi trả từ phần doanh thu tăng thêm hoặc chi phí tiết kiệm được. Điều này sẽ khuyến khích nhân viên làm việc nỗ lực hơn nữa để đạt được hoặc thậm chí đạt vượt mức chỉ tiêu kinh doanh và hiệu suất mong đợi.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA 6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2019: 168.358.750 Việt Nam đồng (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 5 năm trong năm 2019: 283.889.250 Việt Nam đồng (hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm năm mươi Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2019: 126.000 Việt Nam đồng (một trăm hai mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người/ năm.
- ❖ Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2019: khoảng 4.000.000 Việt Nam đồng (bốn triệu Việt Nam đồng)/ người.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- ❖ Nhân viên hưởng ứng chương trình của tập đoàn về đóng góp và chia sẻ với đồng bào vùng lũ lụt.
- ❖ Công ty tài trợ và toàn thể nhân viên tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp UBND quận 7, quận 8, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích gây quỹ hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp xuân về.

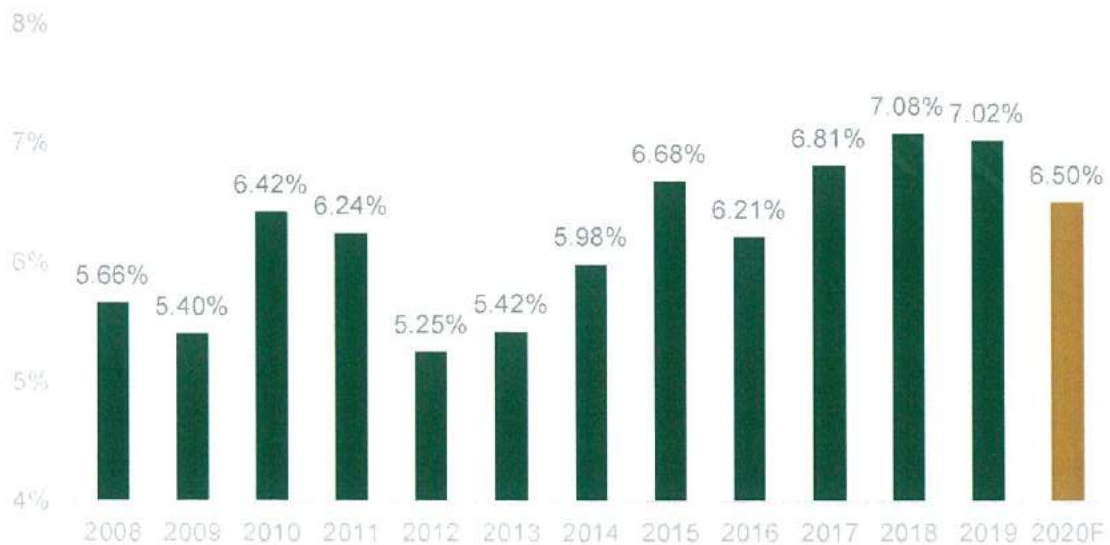




7,02 %

ĐANG TĂNG TRƯỞNG

GDP GROWTH



Source: GSO, PHS

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019

Kinh tế toàn cầu đang bị đè nặng bởi xung đột thương mại và mức độ rủi ro ngày càng cao hơn. Theo IMF, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2019 dự báo giảm xuống mức 3%, là mức thấp nhất kể từ khủng hoảng tài chính năm 2008 và ảnh hưởng đến 90% các nền kinh tế trên toàn cầu. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2019 vẫn đạt mức 7,02%, thấp hơn mức 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng trưởng trong giai đoạn 2011-2017 và vượt xa mục tiêu của Chính phủ là 6,6 – 6,8%. Kết quả này hết sức ấn tượng khi cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực như Philippines (5,9%), Indonesia (5,02%) và Thái Lan (2,5%).

Trong năm 2019, nhóm ngành nông nghiệp sụt giảm do ảnh hưởng từ sự bùng phát của dịch tả lợn Châu Phi, tuy nhiên, tăng trưởng bền vững ở nhóm ngành dịch vụ, xây dựng và công nghiệp đã đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng chung của nền kinh tế. Điểm tích cực là tăng trưởng cao trong năm 2019 đã không đi cùng với gia tăng lạm phát và mở rộng tín dụng. CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%, thấp hơn mục tiêu 4% của Chính phủ trong khi tăng trưởng tín dụng ghi nhận ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây tại 12,1%. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu có thấp hơn, nhưng thặng dư thương mại vẫn đạt được mức cao kỷ lục 11,1 tỷ USD, phần lớn nhờ vào sự mở rộng ở thị trường Mỹ. Bên cạnh đó, FDI giải ngân ước tính cũng lập kỷ lục mới với 20,4 tỷ USD, đã hỗ trợ mạnh mẽ cho việc ổn định tỷ giá trong nước và gia tăng dự trữ ngoại hối quốc gia lên mức 73 tỷ USD chỉ trong 10 tháng đầu năm.



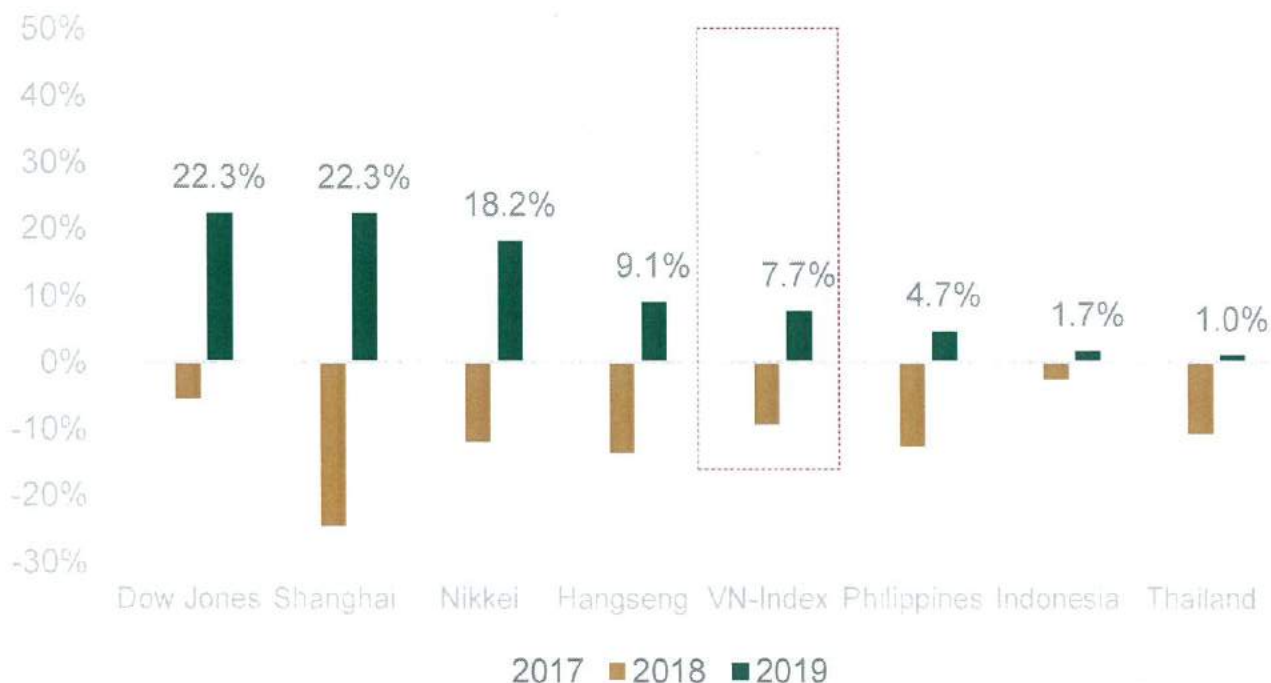
Source: Fiinpro, PHS



Về thị trường chứng khoán Việt Nam, sau khoảng 9 tháng điều chỉnh trong năm 2018, VN-Index đã hồi phục trở lại và phần lớn dao động dưới ngưỡng 1.000 điểm. Chỉ số kết thúc năm 2019 tại 960,99 điểm, tăng 7,7% so với năm 2018. Nhóm ngành ngân hàng dẫn dắt đà hồi phục nhờ chiếm tỷ trọng lớn trong vốn hóa của chỉ số và báo cáo thu nhập tăng trưởng tốt được công bố hằng quý. Tuy nhiên, với tâm lý giao dịch thận trọng, thị trường chứng khoán khá yên ắng trong năm 2019 khi giá trị giao dịch bình quân tháng của VN-Index chỉ vào khoảng 3.949 tỷ (-27%YoY) và thiếu vắng các thương vụ IPO, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước. Sự bùng nổ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong bối cảnh thắt chặt tín dụng cũng được cho là nguyên nhân ảnh hưởng đến thanh khoản thị trường cổ phiếu trong năm 2019. Trong khi đó, các cải cách trong nước vẫn tiếp diễn với việc thông qua Luật chứng khoán sửa đổi vào tháng 11/2019 hướng đến mục tiêu nâng hạng thị trường bởi FTSE và MSCI. Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh cũng đã cho ra mắt các sản phẩm mới như Chứng quyền vào tháng 6/2019 và một loạt các rổ chỉ số mới trong tháng 11/2019 bao gồm VN Diamond, VNFIN Lead và VNFIN Select để giải quyết vấn đề mua cổ phiếu hết “room” cho nhà đầu tư nước ngoài khi giá trị mua ròng của nhóm này sụt giảm mạnh trong năm 2019.

Thị trường chứng khoán phái sinh cũng tiếp tục tăng trưởng trong năm 2019 với hơn 100 nghìn hợp đồng khớp lệnh mỗi ngày, cao hơn khoảng 32% so với mức trung bình của năm 2018. Sau hơn 2 năm hoạt động, chứng khoán phái sinh cũng đã chứng tỏ được vai trò của mình trong việc phòng vệ rủi ro cũng như trở thành giải pháp hữu hiệu giữ chân nhà đầu tư khi thị trường cơ sở giảm mạnh.

GLOBAL STOCK MARKET



Source: Bloomberg

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Với thành công của TTCK Việt Nam năm 2019, Công ty CP Chứng khoán Phú Hưng đã có một năm kinh doanh thuận lợi và kỳ vọng giữ được đà tăng trưởng này trong năm tới. Lợi nhuận sau thuế của PHS đạt 47,5 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch của năm Tài chính 2019 được thông qua vào kỳ Đại hội đồng cổ đông năm vừa rồi. Đây là kết quả lợi nhuận cao nhất của Công ty kể từ khi thành lập đến nay.

NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng đã chào mừng một kỷ nguyên kinh doanh mới sau khi hợp nhất thành công với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành vào đầu năm 2016. Sự hợp nhất chiến lược này đã góp phần nâng cao năng lực của Công ty ở khu vực phía Bắc và củng cố thêm sức mạnh về định hướng phát triển mạng lưới rộng khắp đất nước. Sau nhiều năm nỗ lực, Công ty đã giành được đà tăng trưởng mạnh mẽ và có nhiều tín hiệu đáng mừng cho sự phát triển trong tương lai. Vào ngày 26/12/2018, Công ty đã nhận được Giấy phép Điều chỉnh Số 107/GPĐC-UBCK bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận về việc thay đổi Vốn điều lệ của Công ty lên đến 700 tỷ đồng. Ngày 26/09/2019, ĐHĐCĐ bất thường của PHS đã tiếp tục thông qua Kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 900 tỷ đồng. Mục đích chính của việc tăng vốn lần này nhằm tạo động lực và nền tảng sức mạnh cho sự phát triển của Công ty. Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ hoàn thành quá trình tăng vốn điều lệ trong sáu tháng đầu năm bên cạnh mong muốn chuyển sang chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận cao giữa viễn cảnh thị trường lạc quan và quản trị doanh nghiệp vững mạnh.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới. Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. PHS thường xuyên tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp tài chính cũng như các chuyên gia Đài Loan với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch nhằm giao lưu chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai các sản phẩm tài chính mới đối với thị trường Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng mục đích của việc kinh doanh không chỉ đơn giản là tập trung vào lợi nhuận. Thông qua việc đóng góp và tham gia xây dựng thị trường, chúng tôi luôn giữ vai trò là người tiên phong trong việc định hướng tương lai cho thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

NUÔI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn tra dồi các kĩ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ tập trung chủ yếu vào củng cố năng lực tài chính và chuẩn bị sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của Công ty. Để đạt được những mục tiêu đầy thách thức, HĐQT của PHS sẽ đi theo 6 chiến lược quan trọng như sau:

- ❖ Tăng cường năng lực tài chính – Trong bối cảnh thị trường đang thay đổi và ngày càng phát triển, Chứng khoán Phú Hưng sẽ từng bước tăng vốn điều lệ để đáp ứng tiêu chuẩn vốn của các công ty chứng khoán tùy thuộc vào nhu cầu của thị trường. Trong quý 4 năm 2017, Công ty Chứng khoán Phú Hưng đang xử lý việc tăng vốn từ 320 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, và cuối cùng đã hoàn thành vào ngày 11 tháng 1 năm 2018. Vào Quý 4 năm 2018, Công ty Chứng khoán Phú Hưng đã tiếp tục quá trình tăng vốn từ 500 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng và hoàn thành vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 khi Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh được SSC chấp thuận. Ngày 26/09/2019, ĐHCĐ bất thường của PHS đã tiếp tục thông qua Kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 900 tỷ đồng. Cổ đông chiến lược của PHS hiện nay là CX Technology Taiwan với uy tín khá cao trên thị trường Đài Loan, hiện có mối quan hệ tốt với các ngân hàng Đài Loan, điều này sẽ đem lại nhiều khoản hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty.
- ❖ Giới thiệu kinh nghiệm từ các sản phẩm phái sinh tại Đài Loan – Thị trường phái sinh Việt Nam hiện đang ở bước đầu tiên trong khi các sản phẩm phái sinh ở Đài Loan đã được phát triển hơn 20 năm. Chứng khoán Phú Hưng đang từng bước chuẩn bị vốn điều lệ và các điều kiện cần thiết khác để đáp ứng tiêu chuẩn tham gia thị trường phái sinh Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng thị trường phái sinh sẽ phải mất vài năm để hoàn thiện. Khi thời gian chín muồi, Công ty chúng tôi sẽ ngay lập tức tham gia và áp dụng kinh nghiệm của Đài Loan trong đầu tư và kinh doanh chứng khoán cho thị trường Việt Nam. Cho đến thời điểm đó, chúng tôi sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh và đầu tư các sản phẩm phái sinh từ Đài Loan sang thị trường Việt Nam. Công ty đã tổ chức các cuộc hội thảo cho các nhà đầu tư và các khoá đào tạo cho tất cả nhân viên về các sản phẩm phái sinh, và vào năm 2020, chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động này và biến nó trở thành các hoạt động thường xuyên.





- ❖ Xây dựng đội ngũ kinh doanh hoặc các chi nhánh mới. Cho đến hiện tại, PHS đã có 06 chi nhánh và các phòng giao dịch trên khắp lãnh thổ, lần lượt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, và Hải Phòng. Việc Xây dựng đội ngũ kinh doanh hoặc các chi nhánh mới sẽ có tác động tích cực đến tình hình kinh doanh của Công ty. Họ đóng góp một phần rất lớn vào doanh thu của Công ty. Vì vậy, PHS mong sẽ gặt hái được nhiều thành công và đạt được mục tiêu với sự hỗ trợ của đội ngũ kinh doanh hoặc các chi nhánh mới trong năm 2020.
- ❖ Cải thiện và nâng cao sự biểu hiện của các cấp quản lý là một trong những yếu tố quan trọng nhất mà PHS phải quan tâm đến. Các cấp quản lý là một trong những nhân tố thiết yếu góp phần quyết định sự thành công của Công ty. Hiện tại, sự biểu hiện của toàn bộ nhân viên được đánh giá bằng phương thức đánh giá KPI, PHS thực hiện đánh giá 02 lần một năm, mỗi 06 tháng một lần. Vào năm 2020, PHS sẽ xem xét để điều chỉnh một vài tiêu chí trong danh mục đánh giá KPI theo hướng tích cực và nghiêm khắc hơn để tạo động lực cho nhân viên nỗ lực, điều mà phù hợp với việc phát triển kinh doanh của Công ty. Chúng ta cũng nên xem xét lại những biểu hiện kém hiệu quả, đặc biệt là đối với các cấp quản lý. Hơn nữa, PHS sẽ tìm những ứng cử viên tiềm năng, người có thể được thăng tiến trong tương lai. Cuối cùng, với những nhân viên có cam kết dài hạn, Công ty luôn luôn cố gắng hết mình để họ có cơ hội phát huy ưu thế của bản thân họ trong những vị trí mà họ tự tin. Đối với những nhân viên có tiềm năng, Công ty sẽ để họ có cơ hội trở thành các cấp quản lý trong tương lai.
- ❖ Kết nối kinh doanh với các thế hệ mới - PHS hiểu rõ rằng sự phát triển bền vững luôn phải dựa trên chất lượng nguồn nhân lực. Kết nối đội ngũ kinh doanh của Công ty với sự gia tăng của thế hệ trẻ sẽ đảm bảo PHS có đà phát triển không ngừng. Các thế hệ mới là sự củng cố tiềm năng cho các công ty môi giới và khách hàng trong tương lai của công ty chúng tôi. Bắt đầu vào năm 2016 đến nay, chúng tôi đã tổ chức các cuộc hội thảo định kỳ cho sinh viên tại các chi nhánh và trường để tạo mối quan hệ với các sinh viên đầy hứa hẹn và bình thường hóa kế hoạch tập sự để tìm thêm tài năng tiềm năng.
- ❖ Phát triển mạng lưới các nhà đầu tư nước ngoài - Công ty Chứng khoán Phú Hưng, với mục tiêu phát triển dài hạn nhằm dành nhiều sự quan tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư sử dụng tiếng Trung, có thể dễ dàng hiểu rõ hơn về thị trường chứng khoán Việt Nam và được cung cấp các tư vấn đầu tư một cách chuyên nghiệp. Chúng tôi đã xây dựng hệ thống dịch vụ và báo cáo nghiên cứu gồm ba ngôn ngữ, tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Việt. Các dịch vụ đa ngôn ngữ độc đáo giúp PHS có được nền tảng vững chắc khi thị trường Việt Nam trở thành một phần quan trọng trong đa dạng đầu tư toàn cầu.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng		0%
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên		0%
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên		0%
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên		0%
5.	Bà Liu, Hsiu Mei	Thành viên độc lập		0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: N/A

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Hội Đồng Quản Trị đã hoàn thành những công việc được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao phó, qua đó, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh của PHS khởi sắc và nâng cao thị phần môi giới của PHS trên thị trường chứng khoán.

Ngày 21/01/2019, Hội Đồng Quản Trị thông qua việc sửa đổi, bổ sung chính sách Quản lý rủi ro.

Ngày 17/04/2019, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế quản trị công ty (sửa đổi, bổ sung) đệ trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên ngày 17/04/2019 để thông qua và áp dụng thực hiện.

Những văn bản trên đã cập nhật những quy định pháp luật mới nhất, góp phần tạo nên khung pháp lý chắc chắn, làm nền tảng để công ty hoạt động một cách có hiệu quả và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật.

PHS đã lập ra Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ để hỗ trợ Hội Đồng Quản trị kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ. Với nguồn nhân sự là những nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ đã giúp Hội Đồng Quản Trị quản lý tốt tất cả các rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Trong năm 2019, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện 10 cuộc họp, thông qua 15 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:



STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	24/01/2019	01/36_0119/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng vay vốn với Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Đầu tư Phú Lập; 2. Thông qua Chính Sách Quản Lý Rủi Ro năm 2019; 3. Thông qua Kế hoạch Kinh doanh năm 2019.
2.	08/03/2019	01/37_0219/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày và thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019; 4. Thông qua Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United.
3.	28/03/2019	01/38_0319/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo về kết quả của việc tăng vốn lên 700.000.000.000 đồng; 2. Thông qua chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/4/2019; 3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; 4. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018; 5. Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty năm 2018; 6. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2018; 7. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh Công ty trong năm 2019; 8. Thông qua Dự toán Ngân sách tài chính năm 2019; 9. Thông qua Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập năm 2019; 10. Thông qua Việc sửa đổi Điều lệ công ty; 11. Thông qua Việc Bổ nhiệm bổ sung Tổng Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật của công ty; 12. Thông qua Việc thành lập Văn phòng đại diện của Công ty tại Myanmar (Loại hình doanh nghiệp tại Myanmar: Công ty nước ngoài); 13. Thông qua Việc Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc (Nhiệm kỳ 2019 – 2022); 14. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 11/01/2018 đến ngày 31/03/2018 thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 26/12/2017 đến ngày 27/12/2017; 15. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu PHS lên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE) và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị thực hiện những công việc về niêm yết cổ phiếu lên HOSE; 16. Thông qua việc giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty (Nhiệm kỳ 2019-2022);

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

4	25/04/2019	02/39_0419/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Việc Bầu Ông Albert Kwang – Chin Ting trở thành Chủ tịch HĐQT của Công ty (Nhiệm kỳ 2019-2022); 2. Thông qua Việc Tái bổ nhiệm Bà Phạm Thị Thu Nhân trở thành Phó Tổng Giám Đốc của Công ty (Nhiệm kỳ 2019-2022).
		03/39_0419/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 2. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Shin Kong; 3. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings, Ltd – Chi nhánh Đồng Nai.
		04/39_0419/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Ngày Chốt danh sách cổ đông để giao dịch trên UPCOM
5	11/06/2019	02/40_0519/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa, Chi nhánh HSI-Sung; 2. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 3. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd, Chi nhánh Hồng Kông; 4. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
		03/40_0519/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2018.
6	22/07/2019	02/41_0619/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Offshore Banking ; 2. Thông qua Việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Union Bank of Taiwan.
7	15/08/2019	02/42_0719/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.
		03/42_0719/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc bổ nhiệm và đăng ký thay đổi người đại diện Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
		05/42_0719/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Phương Đông Việt Nam (OCB), Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; 2. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Mega, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ; 3. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Mega, Chi nhánh Offshore;



8	05/09/2019	02/43_0819/NQ-HDQT	1. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Indovina, Chi nhánh TP.HCM; 2. Thông qua việc ký kết Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin.
9	31/10/2019	02/44_0919/NQ-HDQT	1. Thông qua việc ký kết Hợp đồng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng thương mại Trách Nhiệm Hữu Hạn E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai.
10	30/12/2019	01/45_1019/NQ-HDQT	1. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2019, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã thực hiện đúng với nhiệm vụ được giao. Cùng với Ban Kiểm Soát, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã giám sát và theo dõi các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc trong các hoạt động quản lý điều hành Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch	Có	Có
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	Có	Có
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Không	Có
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Có	Có
5.	Bà Liu, Hsiu Mei	Thành viên độc lập	Không	Có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Bà Chang, Wen-Ning	Trưởng Ban Kiểm Soát (đến ngày 17/04/2019)		0%
2.	Ông Liew, Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm Soát (từ ngày 25/04/2019)	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	0%
3.	Ông Lii, San-Rong	Thành viên		0%
4.	Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát trong năm 2019 đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS, bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị Công ty của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc cũng như hoạt động của các khối trong Công ty.

Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát đã thực hiện những cuộc họp thể hiện qua các biên bản họp sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	26/03/2019	01/09_0119/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh năm 2018 trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/04/2019; 2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019 trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 17/04/2019.
2.	25/04/2019	01/10_0219/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc bầu ông Liew Sep Siang làm trưởng Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2019-2022).
3.	10/01/2019	01/11_0319/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2019; 2. Báo cáo Tài chính soát xét tháng 08/2019; 3. Báo cáo hoạt động kinh doanh tháng 08/2019; 4. Kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn lên đến 900 tỷ đồng; 5. Báo cáo Đánh giá hoạt động kiểm soát của PHS Quý 2 năm 2019.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được nhận thù lao theo chế độ của Công ty. Tổng cộng khoản thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là 1.920.000.000 đồng.

Thành viên Ban Tổng Giám Đốc gồm có Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc nhận lương và thưởng theo chế độ của Công ty.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2019, Cổ đông nội bộ không giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2019, PHS không có hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2019, áp dụng những quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, PHS đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/04/2019.

Đồng thời, PHS cũng tổ chức phổ biến các quy định mới trong Nghị định 71/2017/NĐ-CP để tất cả các khối trong công ty có cơ sở tuân thủ và thực hiện.



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 58.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00350-20-1



Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám Đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2019



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	
TÀI SẢN					
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100	1.652.163.390.210	1.494.640.327.367	
I	Tài sản tài chính	110	1.650.131.619.899	1.492.906.413.908	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	320.167.339.450	188.288.845.466
1.1	Tiền	111.1		280.687.339.450	2.338.977.154
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		39.480.000.000	185.949.868.312
2	Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	112	7(a)	4.031.198.460	2.579.196.590
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	140.000.000.000	80.000.000.000
4	Các khoản cho vay	114	7(c)	1.152.505.700.729	1.175.167.952.987
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	11(a)	(6.209.462.344)	(6.051.639.641)
7	Các khoản phải thu	117	8	20.293.692.333	32.397.517.351
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	117.2		20.293.692.333	32.397.517.351
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		906.042.782	1.151.226.550
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	9	14.854.588.411	15.727.015.963
12	Các khoản phải thu khác	122	10	12.908.730.609	12.935.988.148
13	Dự phòng phải thu khó đòi	129	11(b)	(9.326.210.531)	(9.289.689.506)
II	Tài sản ngắn hạn khác	130		2.031.770.311	1.733.913.459
1	Tạm ứng	131		234.021.500	330.500.000
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	1.797.748.811	1.403.413.459
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		24.670.500.938	17.775.495.298
II	Tài sản cố định	220		10.079.106.115	7.368.001.106
1	Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.594.889.993	3.878.773.536
	Nguyên giá	222		29.261.905.860	24.008.451.530
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(21.667.015.867)	(20.129.677.994)
3	Tài sản cố định vô hình	227	14	2.484.216.122	3.489.227.570
	Nguyên giá	228		8.161.659.400	8.161.659.400
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.677.443.278)	(4.672.431.830)
V	Tài sản dài hạn khác	250		14.591.394.823	10.407.494.192
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	2.158.593.638	1.888.074.824
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	5.375.565.117	4.055.303.300
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	253	17	93.120.000	-
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	16	6.964.116.068	4.464.116.068
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		1.676.833.891.148	1.512.415.822.665

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		906.548.441.876	766.552.088.099
I Nợ phải trả ngắn hạn	310		906.211.288.048	766.187.546.432
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		775.236.400.000	647.666.000.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	18	775.236.400.000	647.666.000.000
6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	19	111.293.382.916	102.621.772.169
8 Phải trả người bán	320		115.116.481	165.722.331
10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	4.876.090.886	1.279.855.304
11 Phải trả người lao động	323		5.830.000	4.542.000
12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		379.476.823	376.948.073
13 Chi phí phải trả	325	21	13.772.928.606	12.302.295.614
17 Các khoản phải trả khác	329	22	532.062.336	1.770.410.941
II Nợ phải trả dài hạn	340		337.153.828	364.541.667
12 Dự phòng phải trả dài hạn	354		317.300.000	364.541.667
14 Thuế TNDN hoãn lại phải trả	356	17	19.853.828	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		770.285.449.272	745.863.734.566
I Vốn chủ sở hữu	410		770.285.449.272	745.863.734.566
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		699.998.815.000	699.998.815.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		700.000.000.000	700.000.000.000
			1	
1.5 Cổ phiếu quỹ	411.5		(1.185.000)	(1.185.000)
			5	
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.376.077.650	-
5 Quỹ dự phòng tài chính	415		2.376.077.650	-
7 Lợi nhuận chưa phân phối	417		65.534.478.972	45.864.919.566
7.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		63.350.375.977	49.156.785.709
			1	
7.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		2.184.102.995	(3.291.866.143)
			2	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		1.676.833.891.148	1.512.415.822.665



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	69.999.510	69.999.510
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của Công ty	008	1.035.980.000	222.590.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	2.550.000	8.770.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	234.000.000	380.000.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	220.000	130.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	4.728.311.767.000	3.984.269.800.000
a	<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1	4.588.152.077.000	3.671.652.630.000
b	<i>TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2	12.941.700.000	206.687.280.000
c	<i>TSTC giao dịch cầm cố</i>	021.3	59.866.560.000	59.866.560.000
d	<i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4	70.000	70.000
e	<i>TSTC chờ thanh toán</i>	021.5	67.351.360.000	46.063.260.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	78.327.490.000	291.292.200.000
a	<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1	77.982.490.000	193.797.200.000
b	<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2	345.000.000	97.495.000.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng	023	57.803.535.000	45.946.400.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	3.374.990.000	61.836.170.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026	49.435.441.889	52.098.812.046
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	49.435.441.889	52.098.812.046
8	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	49.435.441.889	52.098.812.046
8.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	44.338.806.235	46.829.340.445
8.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	5.096.635.654	5.269.471.601



	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	01		1.523.389.675	1.625.490.017
<i>a Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.1</i>		<i>1.295.749.556</i>	<i>1.587.964.454</i>
<i>b Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.2</i>		<i>72.427.735</i>	<i>(68.334.675)</i>
<i>c Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.3</i>		<i>155.212.384</i>	<i>105.860.238</i>
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02		11.269.902.468	10.101.183.633
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	23	129.349.693.034	108.987.333.175
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06		50.210.586.426	51.452.840.902
1.9 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		1.532.409.051	1.094.816.590
1.10 Doanh thu tư vấn	10		934.954.546	250.420.000
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		760.293.206	1.403.802.853
Cộng doanh thu hoạt động	20		195.581.228.406	174.915.887.170
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		1.208.225.048	1.804.740.069
<i>a Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.1</i>		<i>1.235.066.451</i>	<i>1.768.546.132</i>
<i>b Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>(26.841.403)</i>	<i>36.193.937</i>
2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	24	11(a)	157.822.703	2.514.983.386
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.298.954.093	1.071.016.902
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27	23	65.714.817.896	59.582.083.973
2.10 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		2.095.489.555	1.825.205.934
2.11 Chi phí nghiệp vụ tư vấn	31		872.179.884	1.076.967.421
2.12 Chi phí khác	32	11(b)	36.521.025	(180.651.551)
Cộng chi phí hoạt động	40		71.384.010.204	67.694.346.134



	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		5.907.946.744	142.556.053
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42		288.524.752	521.805.438
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		6.196.471.496	664.361.491
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		6.483.647.059	7.433.271.705
4.2 Chi phí lãi vay	52	25	26.790.151.853	29.404.933.593
Cộng chi phí tài chính	60		33.273.798.912	36.838.205.298
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	26	39.205.293.931	33.601.713.501
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		57.914.596.855	37.445.983.728
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		15.752.368	3.999.402
8.2 Chi phí khác	72		125.000.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(109.247.632)	3.999.402
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		57.805.349.223	37.449.983.130
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		52.329.380.085	40.743.611.742
9.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		5.475.969.138	(3.293.628.612)
X CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		10.283.796.217	-
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	10.357.062.389	-
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	(73.266.172)	-
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		47.521.553.006	37.449.983.130
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	28	679	729



	Mã số	2019 VND	2018 VND
I			
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	57.805.349.223	37.449.983.130
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	36.292.416.390	20.410.798.720
Khấu hao và phân bổ	03	2.580.795.791	1.900.888.848
Các khoản dự phòng	04	194.343.728	2.334.331.835
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(5.376.700.000)	3.189.100.000
Chi phí lãi	06	26.790.151.853	29.404.933.593
Dự thu tiền lãi	08	12.103.825.018	(16.418.455.556)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	(26.841.403)	36.193.937
(Giảm)/tăng chênh lệch giảm từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	(26.841.403)	36.193.937
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(72.427.735)	68.334.675
(Tăng)/giảm chênh lệch tăng từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(72.427.735)	68.334.675
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	30	93.998.496.475	57.965.310.462
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)			
Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(1.352.732.732)	2.145.793.349
Tăng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(60.000.000.000)	-
Tăng các khoản cho vay	33	22.662.252.258	(466.950.906.553)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	872.427.552	10.161.299.588
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	27.257.539	(134.431.786)
Tăng các tài sản khác	40	(2.674.040.314)	(2.701.318.690)
Tăng chi phí phải trả	41	1.196.160.820	2.871.080.030
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	42	(1.714.597.169)	(239.311.392)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(7.108.114.533)	-
Tiền lãi đã trả	44	(26.515.679.681)	(29.354.753.721)
Giảm phải trả cho người bán	45	194.577.918	(612.832.558)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân	46	2.528.750	392.500
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	347.287.726	(90.775.231)
Tăng phải trả người lao động	48	1.288.000	3.627.000
Tăng các khoản phải trả khác	50	6.999.530.212	28.280.855.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	26.936.642.821	(398.655.971.065)



	Mã số	2019 VND	2018 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(5.291.900.800)	(1.927.098.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(5.291.900.800)	(1.927.098.800)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	-	200.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	4.154.226.008.349	4.377.415.081.627
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(4.021.278.908.349)	(4.289.764.181.627)
Trả cổ tức cho cổ đông	76	(22.713.348.037)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	110.233.751.963	287.650.900.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	131.878.493.984	(112.932.169.865)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	188.288.845.466	301.221.015.331
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 7)	103	320.167.339.450	188.288.845.466
▪ Tiền	103.1	280.687.339.450	2.338.977.154
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	39.480.000.000	185.949.868.312



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2019 VND	2018 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	16.250.528.692.063	14.527.477.364.783
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(13.740.290.451.630)	(15.137.731.804.400)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	21.640.839.991.760	20.695.901.512.942
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(24.152.606.205.905)	(20.309.173.887.297)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(1.135.396.445)	(856.121.696)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(2.663.370.157)	(224.382.935.668)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	52.098.812.046	276.481.747.714
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	49.435.441.889	52.098.812.046
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	49.435.441.889	52.098.812.046
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	49.435.441.889	52.098.812.046

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2018	1/1/2019	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND
Vốn cổ phần	320.000.000.000	700.000.000.000	380.000.000.000	-	-	700.000.000.000
Vốn khác	180.000.000.000	-	-	(180.000.000.000)	-	-
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	2.376.077.650	-	2.376.077.650
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	2.376.077.650	-
Lợi nhuận chưa phân phối	8.414.936.436	45.864.919.566	40.743.611.742	(3.293.628.612)	47.521.553.006	(27.851.993.600)
Trong đó:						
Lợi nhuận đã thực hiện	8.413.173.967	49.156.785.709	40.743.611.742	-	42.045.583.868	-
Phân phối cổ tức	-	-	-	-	-	(23.099.838.300)
Trích quỹ (Lô)/lợi nhuận chưa thực hiện	1.762.469	(3.291.866.143)	-	(3.293.628.612)	5.475.969.138	(4.752.155.300)
					(3.291.866.143)	2.184.102.995
Tổng cộng	508.413.751.436	745.863.734.566	420.743.611.742	(183.293.628.612)	52.273.708.306	(27.851.993.600)
					745.863.734.566	770.285.449.272



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND (31/12/2018: 700.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 198 nhân viên (31/12/2018: 213 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù



trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL"): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các loại chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu



trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán bằng cách chuyển giao các công cụ vốn đó không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy thì những công cụ này được phản ánh theo giá gốc.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay và phải thu bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng cách tham khảo chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ gộp của khoản cho vay tương ứng tại ngày báo cáo.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản



cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuế	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 4 năm

(i) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(j) **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại),

giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán ("VSD") (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày báo cáo. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản



phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.





4. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2019	31/12/20178
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	320.161.276.195	188.285.392.211
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	140.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	1.152.505.700.729	1.175.167.952.987
Các khoản phải thu (ii)	20.293.692.333	32.397.517.351
Trả trước cho người bán ngắn hạn (ii)	906.042.782	1.151.226.550
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	14.854.588.411	15.727.015.963
Các khoản phải thu khác (ii)	12.908.730.609	12.935.988.148
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.158.593.638	1.888.074.824
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	6.964.116.068	4.464.116.068
	1.670.752.740.765	1.512.017.284.102

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	12.064.279.773	12.678.579.927

Các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ quá hạn từ 6 tháng trở lên	10.197.951.244	11.479.107.741
	22.262.231.017	24.157.687.668

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi tại Công ty	269.022	45.914.455
Chứng khoán niêm yết tại	6.726.289.120	6.349.815.090
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	3.434.220	1.994.823.990
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	3.988.488.900	4.091.674.900
▪ Sàn UPCOM	2.734.366.000	263.316.200
Chứng khoán bị hủy niêm yết	-	3.224.328.293
	6.726.558.142	9.620.057.838

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Vay ngắn hạn	775.236.400.000	782.849.900.708	782.849.900.708	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	111.293.382.916	111.293.382.916	111.293.382.916	-
Phải trả người bán	115.116.481	115.116.481	115.116.481	-
Chi phí phải trả	13.772.928.606	13.772.928.606	13.772.928.606	-
Các khoản phải trả khác	532.062.336	532.062.336	532.062.336	-
	900.949.890.339	908.563.391.047	908.563.391.047	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Vay ngắn hạn	647.666.000.000	658.311.564.432	658.311.564.432	-



Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	102.621.772.169	102.621.772.169	102.621.772.169	-
Phải trả người bán	165.722.331	165.722.331	165.722.331	-
Chi phí phải trả	12.302.295.614	12.302.295.614	12.302.295.614	-
Các khoản phải trả khác	1.770.410.941	1.770.410.941	1.770.410.941	-
	764.526.201.055	775.171.765.487	775.171.765.487	-

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	28.680.000	666.236.400.000	19.650.000	456.666.000.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2019	31/12/2018
USD/VND	23.230	23.240

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
USD (mạnh thêm 2% so với VND) – tăng lợi nhuận thuần	5.329.891.200
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần	(7.306.656.000)

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi số	
	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	320.161.276.195	188.285.392.211
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	140.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản cho vay	1.146.296.238.385	1.169.116.313.346
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	6.964.116.068	4.464.116.068
Vay ngắn hạn	(775.236.400.000)	(647.666.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.



(e) **Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2019	31/12/2018	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:						
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	3.956.474.983	2.574.211.308	3.956.474.983	4.027.877.978	2.574.211.308	2.574.211.308
• Cổ phiếu niêm yết	3.320.482	3.320.482	3.320.482	3.320.482	4.985.282	4.985.282
• Cổ phiếu chưa niêm yết						
Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn			140.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn			140.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:						
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	320.167.339.450	188.288.845.466	320.167.339.450	320.167.339.450	188.288.845.466	188.288.845.466
▪ Các khoản cho vay – thuần	1.146.296.238.385	1.169.116.313.346	1.146.296.238.385	(*)	1.169.116.313.346	(*)
▪ Các khoản phải thu	20.293.692.333	32.397.517.351	20.293.692.333	(*)	32.397.517.351	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	14.854.588.411	15.727.015.963	14.854.588.411	(*)	15.727.015.963	(*)
▪ Các khoản phải thu khác – thuần	3.582.520.078	3.646.298.642	3.582.520.078	(*)	3.646.298.642	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.158.593.638	1.888.074.824	2.158.593.638	(*)	1.888.074.824	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	6.964.116.068	4.464.116.068	6.964.116.068	(*)	4.464.116.068	(*)



	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(775.236.400.000)	(*)	(647.666.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(111.293.382.916)	(*)	(102.621.772.169)	(*)
▪ Phải trả người bán	(115.116.481)	(*)	(165.722.331)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(13.772.928.606)	(*)	(12.302.295.614)	(*)
▪ Phải trả khác	(532.062.336)	(*)	(1.770.410.941)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền mặt	6.063.255	3.453.255
Tiền gửi ngân hàng	280.681.276.195	2.335.523.899
Các khoản tương đương tiền	39.480.000.000	185.949.868.312
	320.167.339.450	188.288.845.466

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 39.480.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2018: 49.800.000.000 VND) (Thuyết minh 18).

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	2019		2018	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	4.527.988	152.661.850.513	2.908.118	112.086.562.529
Trái phiếu	4.661.218	480.766.016.204	-	-
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	1.719.499.088	29.985.109.762.293	1.509.222.639	29.667.635.175.069
Trái phiếu	14.273.702	1.660.396.351.768	-	-
Chứng khoán khác	3.035.480	14.935.107.200	1.286.630	20.920.742.000
	1.745.997.476	32.293.869.087.978	1.513.417.387	29.800.642.479.598

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	3.956.474.983	4.027.877.978	2.602.077.451	2.574.211.308
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.320.482	3.320.482	4.985.282	4.985.282
	3.959.795.465	4.031.198.460	2.607.062.733	2.579.196.590

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL

	Số lượng	31/12/2019		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng		Chênh lệch giảm	
				(3) = (2) - (1)	(4) = (1) - (2)	(5) = (1) + (3) - (4)	
Cổ phiếu niêm yết							
TCB	32.209	748.428.185	758.521.950	10.093.765	-	-	758.521.950
DRC	32.323	747.335.377	753.125.900	5.790.523	-	-	753.125.900
HPG	32.294	746.782.506	758.909.000	12.126.494	-	-	758.909.000
VNM	4.407	525.234.462	513.415.500	-	11.818.962	-	513.415.500
BID	6.218	259.142.895	286.960.700	27.817.805	-	-	286.960.700
NVL	4.321	243.741.960	257.099.500	13.357.540	-	-	257.099.500
FPT	4.426	251.097.257	258.035.800	6.938.543	-	-	258.035.800
VCB	2.794	248.084.965	252.018.800	3.933.835	-	-	252.018.800
Cổ phiếu khác	7.492	186.627.376	189.790.828	13.860.987	10.697.535	-	189.790.828
	126.484	3.956.474.983	4.027.877.978	93.919.492	22.516.497	-	4.027.877.978
Cổ phiếu chưa niêm yết							
MCV	134	1.918.500	1.918.500	-	-	-	1.918.500
Cổ phiếu khác	145	1.401.982	1.401.982	-	-	-	1.401.982
	279	3.320.482	3.320.482	-	-	-	3.320.482
	126.763	3.959.795.465	4.031.198.460	93.919.492	22.516.497	-	4.031.198.460



	Số lượng	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018					
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	
		VND (1)	VND (2)	VND (3) = (2) - (1)	VND (4) = (1) - (2)	VND (5) = (1) + (3) - (4)	VND (6)
Cổ phiếu niêm yết							
VNM	2.024	250.963.626	242.880.000	-	8.083.626	242.880.000	
CTD	3.111	495.939.220	497.760.000	1.820.780	-	497.760.000	
CTI	20.500	490.115.000	496.100.000	5.985.000	-	496.100.000	
ACB	10.000	296.000.000	296.000.000	-	-	296.000.000	
BID	14.518	492.889.452	499.419.200	6.529.748	-	499.419.200	
VIC	2.540	262.315.586	242.062.000	-	20.253.586	242.062.000	
PLX	4.500	253.800.000	238.500.000	-	15.300.000	238.500.000	
Cổ phiếu khác	3.042	60.054.567	61.490.108	7.156.229	5.720.688	61.490.108	
	60.235	2.602.077.451	2.574.211.308	21.491.757	49.357.900	2.574.211.308	
Cổ phiếu chưa niêm yết							
MCV	134	1.918.500	1.918.500	-	-	1.918.500	
XMC	132	1.664.800	1.664.800	-	-	1.664.800	
Cổ phiếu khác	145	1.401.982	1.401.982	-	-	1.401.982	
	411	4.985.282	4.985.282	-	-	4.985.282	
	60.646	2.607.062.733	2.579.196.590	21.491.757	49.357.900	2.579.196.590	

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	140.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 110.000.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2018: 50.000.000.000 VND) (Thuyết minh 18).

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.095.599.974.467	(*)	1.148.258.560.312	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	56.905.726.262	(*)	26.909.392.675	(*)
	1.152.505.700.729	(*)	1.175.167.952.987	(*)

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,027% đến 0,04% (31/12/2018: từ 0,029% đến 0,039%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 50% (31/12/2018: 30% - 40%).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất ngày từ 0,029% đến 0,039% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày (31/12/2018: từ 0,029% đến 0,039%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	16.500.130.138	29.393.206.400
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.793.562.195	3.004.310.951
	20.293.692.333	32.397.517.351

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải thu từ thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	13.121.526.200	15.038.637.600
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	921.511.291	524.410.403
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	181.531.948	163.902.263
Phải thu khác	630.018.972	65.697
	14.854.588.411	15.727.015.963

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	12.555.383.176	12.678.579.927
Phải thu khác	353.347.433	257.408.221
	12.908.730.609	12.935.988.148

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán xảy ra trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Dự phòng cho các khoản tạm ứng này được lập và trình bày trong Thuyết minh 11(b).



11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ PHẢI THU KHỜ ĐÒI

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	Tại ngày 31/12/2019				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng tại ngày 31/12/2018 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	10.197.951.244	3.988.488.900	6.209.462.344	6.051.639.641	157.822.703
2018					
Cho vay giao dịch ký quỹ	11.479.107.741	5.427.468.100	6.051.639.641	3.536.656.255	2.514.983.386



(b) Dự phòng phải thu khó đời
2019

	Tại ngày 31/12/2019		Dự phòng tại ngày 31/12/2018	Dự phòng hoàn nhập trong năm
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.064.279.773	2.738.069.242	9.326.210.531	36.521.025
2018				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng tại ngày 31/12/2017	Dự phòng hoàn nhập trong năm
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.678.579.927	3.388.890.421	9.470.341.057	(180.651.551)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Bảo trì phần mềm	443.227.615	393.824.438
Chi phí thuê trả trước	347.919.870	364.844.035
Các chi phí trả trước khác	1.006.601.326	644.744.986
	<hr/>	<hr/>
	1.797.748.811	1.403.413.459

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Công cụ và dụng cụ	1.911.021.881	1.802.738.222
Các chi phí trả trước khác	3.464.543.236	2.252.565.078
	<hr/>	<hr/>
	5.375.565.117	4.055.303.300

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.055.303.300	3.989.840.965
Tăng trong năm	4.338.601.500	3.160.895.800
Phân bổ trong năm	(3.018.339.683)	(3.095.433.465)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.375.565.117	4.055.303.300



13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

2019	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.734.108.818	22.274.342.712	-	24.008.451.530
Tăng trong năm	-	3.026.460.800	2.265.440.000	5.291.900.800
Thanh lý trong năm	-	(38.446.470)	-	(38.446.470)
Số dư cuối năm	1.734.108.818	25.262.357.042	2.265.440.000	29.261.905.860
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.734.108.818	18.395.569.176	-	20.129.677.994
Khấu hao trong năm	-	1.306.517.609	269.266.734	1.575.784.343
Thanh lý trong năm	-	(38.446.470)	-	(38.446.470)
Số dư cuối năm	1.734.108.818	19.663.640.315	269.266.734	21.667.015.867
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	3.878.773.536	-	3.878.773.536
Số dư cuối năm	-	5.598.716.727	1.996.173.266	7.594.889.993

2018	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.734.108.818	20.347.243.912	22.081.352.730
Tăng trong năm	-	1.927.098.800	1.927.098.800
Số dư cuối năm	1.734.108.818	22.274.342.712	24.008.451.530
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.669.241.566	17.599.417.921	19.268.659.487
Khấu hao trong năm	64.867.252	796.151.255	861.018.507
Số dư cuối năm	1.734.108.818	18.395.569.176	20.129.677.994
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.867.252	2.747.825.991	2.812.693.243
Số dư cuối năm	-	3.878.773.536	3.878.773.536

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 19.049.773.760 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2018: 18.547.264.870 VND).



14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	2019 Phần mềm máy vi tính VND	2018 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	8.161.659.400	8.161.659.400
<hr/>		
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.672.431.830	3.632.561.489
Khấu hao trong năm	1.005.011.448	1.039.870.341
<hr/>		
Số dư cuối năm	5.677.443.278	4.672.431.830
<hr/>		
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	3.489.227.570	4.529.097.911
Số dư cuối năm	2.484.216.122	3.489.227.570
<hr/>		

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 1.305.495.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2018: 1.305.495.000 VND).

15. KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	2.158.593.638	1.888.074.824
<hr/>		



16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	6.964.116.068	4.464.116.068

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.464.116.068	2.054.149.278
Tiền nộp thêm trong năm	2.280.686.961	2.303.606.256
Tiền lãi nhận được trong năm	219.313.039	106.360.534
Số dư cuối năm	6.964.116.068	4.464.116.068

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí trích trước	20%	93.120.000	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		93.120.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo lãi lỗ	20%	(19.853.828)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(19.853.828)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần		(73.266.172)	-

18. VAY NGẮN HẠN

Diễn giải	Lãi suất (năm)	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2019 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2019 VND
Các khoản vay ngắn hạn từ						
▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,00% – 7,25%	16.000.000.000	-	(16.000.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Chu Lai	5,75%	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-	-
▪ BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (i)	7,80% – 8,90%	-	2.567.342.408.349	(2.567.342.408.349)	-	-
▪ Ngân hàng Indovina Bank – Chi nhánh TP. HCM	6,80%	-	133.000.000.000	(104.000.000.000)	-	29.000.000.000
▪ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Hồng Kông	3,79% – 4,79%	46.480.000.000	117.344.500.000	(82.722.000.000)	202.500.000	81.305.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh TP. HCM	6,50% – 8,80%	-	423.300.000.000	(423.300.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng CTBC – Chi nhánh TP. HCM	7,00%	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-	-
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập	8,70%	35.000.000.000	-	(35.000.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – Chi nhánh TP. HCM (i)	5,00% – 5,40%	20.000.000.000	95.000.000.000	(85.000.000.000)	-	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Yuanta Commercial	3,38% – 4,25%	116.200.000.000	116.250.000.000	(116.860.000.000)	560.000.000	116.150.000.000
▪ Ngân hàng E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (i)	6,26% – 6,94%	30.000.000.000	50.000.000.000	(30.000.000.000)	-	50.000.000.000
▪ Ngân hàng Entie Commercial	4,22% – 4,35%	-	69.750.000.000	(69.750.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh TP. HCM	6,00%	-	57.000.000.000	(57.000.000.000)	-	-



Diễn giải	Lãi suất (năm)	Số dư đầu năm		Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2019 VND
		tại ngày 1/1/2019 VND	25.564.000.000				
▪ Ngân hàng MEGA International Commercial Bank – Trụ sở chính (i)	4,38%	25.564.000.000	34.890.000.000	(25.723.500.000)	114.500.000	34.845.000.000	
▪ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai	7,19% – 7,70%	20.000.000.000	40.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-	
▪ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh TP. HCM	5,65%	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-	
▪ Ngân hàng Cathay United – Đơn vị ngân hàng nước ngoài	3,21% – 4,01%	116.200.000.000	116.775.000.000	(114.025.000.000)	(2.800.000.000)	116.150.000.000	
▪ Ngân hàng Chang Hwa – Chi nhánh Hsi-sung	3,2% – 4,25%	116.200.000.000	109.171.600.000	(114.025.000.000)	(2.630.200.000)	108.716.400.000	
▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	3,8% – 4,85%	36.022.000.000	80.212.500.000	(46.531.000.000)	(13.500.000)	69.690.000.000	
▪ Ngân hàng Taiwan Shin Kong Commercial Bank Co., Ltd	3,17% – 3,92%	-	70.380.000.000	-	(690.000.000)	69.690.000.000	
▪ Ngân hàng Đài Loan Union	3,43% – 3,78%	-	69.810.000.000	-	(120.000.000)	69.690.000.000	
		647.666.000.000	4.154.226.008.349	(4.021.278.908.349)	(5.376.700.000)	775.236.400.000	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền trị giá 39.800.000.000 VND (31/12/2018: 49.800.000.000 VND) (Thuyết minh 5) và tiền gửi có kỳ hạn là 110.000.000.000 VND (31/12/2018: 50.000.000.000 VND) (Thuyết minh 7(b)).

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	110.059.308.500	100.833.582.700
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	1.199.345.600	1.788.040.000
Phải trả khác	34.728.816	149.469
	<hr/>	<hr/>
	111.293.382.916	102.621.772.169

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.357.062.389	(7.108.114.533)	3.248.947.856
Thuế thu nhập cá nhân	1.275.309.849	17.260.998.471	(16.928.235.451)	1.608.072.869
Thuế giá trị gia tăng	4.545.455	101.939.091	(103.507.273)	2.977.273
Thuế khấu trừ nhà thầu nước ngoài	-	2.127.434.241	(2.111.341.353)	16.092.888
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.279.855.304	29.847.434.192	(26.251.198.610)	4.876.090.886

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Chi phí cho nhân viên	8.411.023.171	7.121.585.196
Chi phí lãi	1.552.985.982	1.278.513.810
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.308.364.960	968.216.888
Phí tư vấn	69.066.187	122.473.362
Các chi phí khác	2.431.488.306	2.811.506.358
	<hr/>	<hr/>
	13.772.928.606	12.302.295.614



22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải trả cổ tức (*)	386.490.263	-
Các khoản phải trả cho khách hàng	31.247.800	1.630.509.000
Các khoản phải trả khác	114.324.273	139.901.941
	<hr/>	<hr/>
	532.062.336	1.770.410.941

(*) Dựa trên kế hoạch chia cổ tức đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 4 năm 2019, vào ngày 11 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt là 23.099.838.300 VND tương đương với 330 VND một cổ phiếu (2018: không có).

23. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	122.644.501.344	105.080.358.646
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	6.705.191.690	3.906.974.529
	<hr/>	<hr/>
	129.349.693.034	108.987.333.175

24. CHI PHÍ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lương cho nhân viên	27.416.370.356	22.962.317.326
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	16.543.434.213	16.780.026.538
Phí môi giới chứng khoán	9.103.834.328	8.857.146.944
Chi phí thuê	6.251.671.348	5.257.345.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.878.397.676	3.629.889.925
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.132.236.483	688.598.892
Khấu hao tài sản cố định	-	64.867.252
Chi phí khác	1.388.873.492	1.341.892.085
	<hr/>	<hr/>
	65.714.817.896	59.582.083.973

25. CHI PHÍ LÃI

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	26.622.151.098	29.059.348.497
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	168.000.755	345.585.096
	<hr/>	<hr/>

26.790.151.853 29.404.933.593

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lương cho nhân viên	17.894.995.295	15.888.224.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.669.290.806	10.235.540.332
Chi phí thuê	2.663.194.239	2.625.294.912
Khấu hao tài sản cố định	2.569.426.493	1.836.021.596
Chi phí công cụ và dụng cụ	763.418.918	832.040.281
Thuế, phí và lệ phí	37.494.603	57.900.076
Chi phí khác	2.607.473.577	2.126.691.766
	39.205.293.931	33.601.713.501

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong Báo cáo thu nhập

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.357.062.389	-
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(73.266.172)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.283.796.217	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.805.349.223	37.449.983.130
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.561.069.845	7.489.996.626
Chi phí không được khấu trừ thuế	139.388.101	136.874.012
Thu nhập không bị tính thuế	(31.042.477)	(21.172.048)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.385.619.252)	(7.605.698.590)
	10.283.796.217	-

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(d) Lỗ tính thuế



Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư lỗ tính thuế 6.928.096.260 VND đã được sử dụng (2018: 38.028.492.950 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có khoản lỗ tính thuế nào được mang sang từ các năm trước.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 47.521.553.006 VND (2018: lãi thuộc về cổ đông phổ thông là 37.449.983.130 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 69.999.519 cổ phiếu (2018: 51.395.265 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	47.521.553.006	37.449.983.130

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2019 VND	2018 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	69.999.510	49.999.510
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	1.395.755
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	69.999.510	51.395.265

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	679	729

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào tại ngày báo cáo.

29. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Dong Bang Development Limited - cổ đông lớn		
Nhận vốn góp	-	19.440.000.000
Cổ tức bằng tiền	2.245.320.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	25.268.760	8.164.800
Freshfields Capital Corporation - cổ đông lớn		
Nhận vốn góp	-	19.440.000.000
Cổ tức bằng tiền	2.245.320.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	25.268.760	8.164.800
Phu Hung Far East Holding Corporation - cổ đông lớn		
Nhận vốn góp	-	92.000.000.000
Cổ tức bằng tiền	10.626.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái - cổ đông lớn		
Phí lưu ký chứng khoán	42.172.132	9.690.000
Nhận vốn góp	-	57.807.230.000
Cổ tức bằng tiền	3.826.258.590	-
Chi phí lãi	2.046.477	4.708
Phí tư vấn	42.909.091	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư An Thịnh - cổ đông lớn shareholder		
Phí lưu ký chứng khoán	3.087.017	-
Phí chuyển nhượng cổ phần	65.494.450	9,337,100
Cổ tức bằng tiền	2.139.441.150	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập - cổ đông		
Thanh toán tiền vay	35.000.000.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	3.422.813	2,615,420
Chi phí lãi	2.207.900.558	3.087.313.151
Phí tư vấn	71.590.910	48.250.000
Phí chuyển nhượng cổ phần	13.700.000	-
Cổ tức bằng tiền	230.753.160	-
Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam) – công ty liên quan		
Vay	-	-
Thanh toán tiền vay	-	70.000.000.000
Chi phí lãi	-	165.277.778
Phí chuyển nhượng cổ phần	-	35.955.582
Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt		
Lương và các khoản phụ cấp	2.842.025.375	2.422.532.000



30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.312.686.090	8.892.835.300
Từ hai đến năm năm	4.999.235.088	10.854.964.583
	<hr/>	<hr/>
	12.311.921.178	19.747.799.883
	<hr/>	<hr/>

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
01	50.542.043.973	1.523.389.675	146.862.525.500	2.849.740.754	201.777.699.902
02	57.463.803.908	2.598.592.670	78.683.024.940	2.494.383.413	141.239.804.931
03	-	11.369.298	2.569.426.493	-	2.580.795.791
04	-	(26.841.403)	-	-	(26.841.403)
05	-	-	194.343.728	-	194.343.728
06	-	-	-	15.752.368	15.752.368
07	(6.921.759.935)	(1.059.730.890)	65.415.730.339	371.109.709	57.805.349.223
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế					
(07 = 01 + 06 - 02 - 03 - 04 - 05)					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Tài sản bộ phận					
Nợ phải trả bộ phận					
	25.676.048.489	4.113.748.478	1.646.062.783.636	981.310.545	1.676.833.891.148
	7.701.692.614	783.396.688	897.268.492.824	794.859.750	906.548.441.876



2018

Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
01	51.678.221.666	1.625.490.017	120.138.349.282	2.138.187.696	175.580.248.661
02	54.960.439.304	2.873.325.241	73.488.205.314	2.540.880.454	133.862.850.313
03	64.867.252	-	1.836.021.596	-	1.900.888.848
04	-	36.193.937	-	-	36.193.937
05	-	-	2.334.331.835	-	2.334.331.835
06	-	-	-	3.999.402	3.999.402
07	(3.347.084.890)	(1.284.029.161)	42.479.790.537	(398.693.356)	37.449.983.130

Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế
(07 = 01 + 06 - 02 - 03 - 04 - 05)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản bộ phận	20.214.851.454	2.589.329.286	1.489.050.576.226	561.065.699	1.512.415.822.665
Nợ phải trả bộ phận	11.975.112.207	1.972.431.309	750.092.677.277	2.511.867.306	766.552.088.099

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.



32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 12 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 20.000.000 cổ phiếu và nhận số tiền là 200.000.000.000 VND. Việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019. Ngày 4 tháng 3 năm 2020, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã cấp Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 12/GPĐC-UBCK chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 900.000.000.000 VND.


CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
 CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 PHÚ HƯNG
 QUẬN 7 - T.P. HỒ CHÍ MINH


CHEN CHIA KEN
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Tầng 3, Tòa nhà CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú Quận 7, TP.HCM

Điện thoại: (84 28) 5413 5479 | Fax: (84 28) 5413 5472

www.phs.vn

